

Số: /BC-SNNMT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia góp ý dự thảo Quyết định quy định về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai và trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch UBND thành phố giao tại Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 11/3/2026 về việc phê duyệt đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật “*Quyết định quy định về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai và trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng*”,

Căn cứ quy định của Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai,

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng Dự thảo Quyết định và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường (https://sonnmt.haiphong.gov.vn/tin-tuc-su-kien/xin-y-kien-gop-y-doi-voi-quyet-dinh-quy-dinh-ve-viec-phan-cap-thuc-hien-mot-so-nhiem-vu-trong-li-876536?mode=preview&gidzl=BxsFL5LqGJKff8bHL6n3EokgZb1FPHGpO_gE0nmq5MPbgTu06cP5O3BysW9BCKSmOF-C0ZHA_lbJL751DG); đã tổ chức lấy ý kiến tham gia của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan, ý kiến phản biện của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố, đồng thời có văn bản đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố (<https://haiphong.gov.vn/?pageid=36291&vbid=978&title=du-thao-quyet-dinh-quy-dinh-ve-viec-phan-cap-thuc-hien-mot-so-nhiem-vu-trong-linh-vuc-dat-dai-va>). Đến nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được tổng số 136 ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị, trong đó: 108 ý kiến nhất trí với Dự thảo, 28 ý kiến tham gia một số nội dung của Dự thảo (*Không có văn bản hoặc ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử chuyên đến*), cụ thể:

1. Ý kiến của các sở ngành, đơn vị liên quan: 19 ý kiến (*trong đó có Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Mặt trận Tổ*

quốc Việt Nam thành phố, Thanh tra Thành phố, Tòa án nhân dân thành phố, Công an Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố), trong đó: 13 ý kiến nhất trí, 06 ý kiến tham gia Dự thảo.

Đối với đề nghị của Sở Tư pháp tại Văn bản số 1546/STP-XDVB ngày 07/4/2026 về việc cân nhắc, xin ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước khi đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp các thẩm quyền thuộc trường hợp không được phân cấp theo khoản 5 Điều 123 Luật Đất đai số 31/2024/QH15: Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 3723/SNNMT-QLĐĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn đối với nội dung này; qua đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông tin nội dung Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị nêu trên đã được Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Báo cáo số 54/BC-CP ngày 26/02/2026 về “*nội dung Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ có quy định giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phân cấp, phân quyền thực hiện thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất có khác với quy định tại khoản 5 Điều 123 Luật Đất đai*” (có Báo cáo số 54/BC-CP ngày 26/02/2026 của Chính phủ kèm theo).

Đối với ý kiến tham gia của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại Văn bản số 4324/VP-TTPVHCC ngày 20/4/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ Dự thảo Quyết định và có Văn bản số 4481/SNNMT-QLĐĐ ngày 23/4/2026 xin ý kiến Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố đối với quy định về TTHC trong Dự thảo Quyết định. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố đã có Văn bản cho ý kiến đối với quy định về TTHC trong Dự thảo Quyết định (*có văn bản của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố gửi kèm*). Trên cơ sở ý kiến tham gia của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát, hoàn thiện Dự thảo Quyết định theo văn bản của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Ý kiến của Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu: 103/114 Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu có văn bản tham gia, trong đó: 98 Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu nhất trí với nội dung đề xuất phân cấp tại Dự thảo, 05 Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (*đặc khu Bạch Long Vĩ, phường Nam Đông, xã Tân An, phường Nam Triệu, phường Bạch Đằng*) đề xuất tiếp tục phân cấp thẩm quyền về thu hồi đất; về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, chấp thuận nhận chuyển nhượng đối với tổ chức được giao đất không thu tiền sử dụng đất, trả tiền thuê đất hàng năm, được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê cho Ủy ban nhân dân cấp xã (*nghị định*

151/2025/NĐ-CP đã phân cấp). Tuy nhiên, tỷ lệ các xã, phường, đặc khu đề nghị phân cấp thấp (*có 05/103 xã, phường, đặc khu đề nghị phân cấp và trong số 05 cấp xã đề nghị phân cấp chỉ có 01 xã Tân An có phát sinh, thực hiện 02 hồ sơ giao đất, cho thuê đất, 04 cấp xã còn lại không phát sinh hồ sơ*) và căn cứ tình hình thực tế trên địa bàn thành phố, cơ quan soạn thảo đề xuất giữ nguyên nội dung đã phân cấp tại dự thảo để đảm bảo việc phân cấp thẩm quyền trên địa bàn thành phố được thống nhất (*phần lớn các xã, phường, đặc khu (98/103 xã, phường, đặc khu các xã, phường, đặc khu) trên địa bàn thành phố nhất trí với việc phân cấp như dự thảo Quyết định*).

3. Trên cơ sở các ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị nêu trên, đối chiếu với quy định của Luật Đất đai năm 2024, Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội, Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, các Nghị hướng dẫn thi hành khác có liên quan và Báo cáo số 54/BC-CP ngày 26/02/2026 của Chính phủ về “*nội dung Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ có quy định giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phân cấp, phân quyền thực hiện thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất có khác với quy định tại khoản 5 Điều 123 Luật Đất đai*”, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, chỉnh sửa tại Dự thảo Quyết định theo quy định và giải trình cụ thể đối với các nội dung chưa tiếp thu (*chi tiết có Phụ biểu kèm theo Báo cáo này*)./.

Nơi nhận:

- UBND TP;
- VP UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLĐĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Như Trang

PHỤ LỤC 01
BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA ĐỐI VỚI NỘI DUNG PHÂN CẤP THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Nội dung quy định	Dự thảo quy định (đã gửi xin ý kiến)	Các ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo
1	Phạm vi điều chỉnh (Điều 1 Dự thảo Quyết định)	Quyết định này quy định phân cấp một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai và trình tự, thủ tục hành chính về đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 15 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ.	1. Văn phòng sở Đề nghị chỉnh sửa Điều 1 thành: “Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quyết định này quy định việc phân cấp một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai và trình tự, thủ tục hành chính về đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 15 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ. 2 Những nội dung không quy định tại quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.”	- Đối với đề nghị bỏ cụm từ và trình tự, thủ tục hành chính về đất đai : Cơ quan soạn thảo giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Quy định này quy định về phân cấp theo thẩm quyền quy định tại Điều 14 NĐ 49 và quy định về trình tự, thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó, cơ quan soạn thảo giữ nguyên nội dung như dự thảo. - Đối với đề nghị: <i>những nội dung không quy định tại quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành</i> : Cơ quan soạn thảo xem xét, cân nhắc và thấy không cần thiết vì đây là điều khoản quy định về phạm vi điều chỉnh của Quyết định (quyết định được phép quy định về nội dung gì) được quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Nghị định số 49

2	Đối tượng áp dụng (<i>Điều 2 Dự thảo Quyết định</i>)	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các sở, ban, ngành chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; các cơ quan khác có liên quan.</p> <p>2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai.</p> <p>3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.</p>	<p>1. Văn phòng Sở: Đề nghị chỉnh sửa nội dung tại Điều 2 thành:</p> <p>“Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các sở, ban, ngành cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; các cơ quan khác có liên quan.</p> <p>2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai.</p> <p>3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.”</p>	Cơ quan soạn thảo giữ nguyên nội dung dự thảo
3	Phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã (<i>Điều 3 Dự thảo Quyết định</i>)	<p>1. Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất đối với cá nhân quy định tại điểm a khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai; quyết định giao đất đối với cộng đồng dân cư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai; quyết định giao đất nông nghiệp cho cá nhân quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 Luật Đất đai</p>	<p>1. Phường Đồ Sơn: Tại Điều 3 của dự thảo đề nghị bổ sung nội dung cho thuê đất cho phù hợp với quy định tại điểm đ, e khoản 3 Điều 124 Luật Đất đai.</p>	Không rõ nội dung, lý do đề nghị. Do đó, cơ quan soạn thảo không có cơ sở để tiếp thu, giải trình

		<p>2. Chi cục kiểm lâm: Đề nghị rà soát việc phân cấp thực hiện các nhiệm vụ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất đồng bộ thống nhất với thẩm quyền giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, thu hồi rừng theo quy định tại Điều 23 Luật Lâm nghiệp (<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức; quyết định giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã</i>)</p>	<p>Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.</p> <p>Khoản 3 Điều 13 Nghị quyết số 254/2025/QH15 quy định: “<i>Trường hợp Nghị quyết này và các luật khác có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.</i>”</p> <p>(<i>Cơ quan soạn thảo báo cáo Lãnh đạo UBND thành phố về nội dung này</i>)</p>
		<p>3. Sở Tư pháp: Việc phân cấp nội dung này không phù hợp với quy định pháp luật của trung ương, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định: “<i>Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản này cho phù hợp</i>”. - Khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định: “<i>Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc Hội đồng nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho cơ quan chuyên môn, tổ chức</i> 	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 3723/SNNMT-QLĐĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn đối với nội dung này; qua đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông tin nội dung Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị nêu trên đã được Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Báo cáo số 54/BC-CP ngày 26/02/2026 về “<i>nội dung Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ có quy định giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phân cấp, phân quyền thực hiện thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất</i></p>

			<p><i>hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp".</i></p> <p>- Điều 123 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 quy định về thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; trong đó, khoản 5 quy định: "<i>Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều này không được phân cấp, không được ủy quyền</i>".</p> <p>Như vậy, nội dung này thuộc trường hợp không được phân cấp. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường cân nhắc, xin ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước khi đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp đối với thẩm quyền này.</p>	<p><i>có khác với quy định tại khoản 5 Điều 123 Luật Đất đai" (có Báo cáo số 54/BC-CP ngày 26/02/2026 của Chính phủ kèm theo).</i></p>
		<p>2. Ban hành quyết định giao đất cho cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 3 và khoản 6 Điều 124 Luật Đất đai</p>	<p>1. Sở Tư pháp: Việc phân cấp nội dung này không phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 123 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (đã nêu tại mục 3 trên). Như vậy, nội dung này thuộc trường hợp không được phân cấp. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường cân nhắc, xin ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước khi đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp đối với thẩm quyền này.</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 3723/SNNMT-QLĐĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn đối với nội dung này; qua đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông tin nội dung Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị nêu trên đã được Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Báo cáo số 54/BC-CP ngày 26/02/2026 về "<i>nội dung Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ có quy định giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phân cấp, phân quyền thực hiện thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển</i></p>

				<p>mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất có khác với quy định tại khoản 5 Điều 123 Luật Đất đai” (có Báo cáo số 54/BC-CP ngày 26/02/2026 của Chính phủ kèm theo).</p>
		<p>3. Chấp thuận bằng văn bản đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai được nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.</p>	<p>1. Phòng Kế hoạch, Tài chính và Đầu tư: Đề nghị xem xét lại do điểm a khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai không quy định nội dung này hoặc cần điều chỉnh, bổ sung điều khoản dẫn chiếu; sửa lỗi đánh máy.</p> <p>2. Sở Tư pháp: Việc phân cấp nội dung này không phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 123 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (đã nêu tại mục... trên). Như vậy, nội dung này thuộc trường hợp không được phân cấp. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường cân nhắc, xin ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước khi đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp đối với thẩm quyền này. Mặt khác, nội dung này không phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai số 31/2024/QH15. Trường hợp có đủ cơ sở phân cấp thì đề nghị chỉnh lý nội dung cho phù hợp.</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát, bỏ khoản này tại Dự thảo</p> <p>Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 3723/SNNMT-QLĐĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn đối với nội dung này; qua đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông tin nội dung Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị nêu trên đã được Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Báo cáo số 54/BC-CP ngày 26/02/2026 về “nội dung Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ có quy định giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phân cấp, phân quyền thực hiện thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất có khác với quy định tại khoản 5 Điều 123 Luật Đất đai” (có Báo cáo số 54/BC-CP ngày 26/02/2026 của Chính phủ kèm theo).</p>

		<p>4. Chấp thuận hoặc không chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai.</p>	<p>1. Phòng Kế hoạch, Tài chính và Đầu tư và Sở Tư pháp: Đề nghị xem xét lại do điểm a khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai không quy định nội dung này hoặc cần điều chỉnh, bổ sung điều khoản dẫn chiếu; sửa lỗi đánh máy</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát, chỉnh sửa nội dung này tại dự thảo</p>
			<p>2. Sở Tư pháp: Việc phân cấp nội dung này không phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 123 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (đã nêu tại mục... trên). Như vậy, nội dung này thuộc trường hợp không được phân cấp. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường cân nhắc, xin ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước khi đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp đối với thẩm quyền này.</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 3723/SNNMT-QLĐĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn đối với nội dung này; qua đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông tin nội dung Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị nêu trên đã được Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Báo cáo số 54/BC-CP ngày 26/02/2026 về “nội dung Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ có quy định giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phân cấp, phân quyền thực hiện thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất có khác với quy định tại khoản 5 Điều 123 Luật Đất đai” (có Báo cáo số 54/BC-CP ngày 26/02/2026 của Chính phủ kèm theo).</p>
			<p>3. Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng: Đề nghị khoản 4 Điều 3 cập nhật cụm từ "trường 5 hợp" thành "trường hợp"</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa chính tả đối với nội dung này</p>

		5. Phê duyệt phương án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai để thực hiện dự án chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn, mở rộng, nâng cấp đường giao thông nông thôn quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 219 Luật Đất đai.	<p>1. Phòng Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư: Đề nghị xem xét lại do khoản 3 Điều 219 Luật Đất đai không có điểm c.</p> <p>2. Sở Tư pháp: Khoản 3 Điều 219 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 chỉ có hai điểm (điểm a, b), không có điểm c. Đề nghị chỉnh lý cho phù hợp.</p>	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa nội dung này
		6. Có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về phương án sử dụng đất nông nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 78 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.		
		7. Chấp thuận phương án sử dụng đất nông nghiệp của tổ chức kinh tế quy định tại khoản 6 Điều 45 Luật Đất đai; phê duyệt phương án sử dụng đất lúa của cá nhân quy định tại khoản 7 Điều 45 Luật Đất đai.	<p>1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: Đề nghị sửa lại như sau: <i>“7. Chấp thuận phương án sử dụng đất nông nghiệp của tổ chức kinh tế quy định tại khoản 6 Điều 45 Luật Đất đai; phê duyệt phương án sử dụng đất trồng lúa của cá nhân quy định tại khoản 7 Điều 45 Luật Đất đai”.</i></p>	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa nội dung này tại Dự thảo
4	Phân cấp thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (<i>Điều 4 Dự thảo Quyết định</i>)	<p>1. Quyết định thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng dự án quy định tại điểm c khoản 2 Điều 86 Luật Đất đai.</p> <p>2. Ban hành Thông báo thu hồi đất quy định tại điểm a khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai.</p> <p>3. Ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai.</p>		

	4. Ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc quy định tại khoản 3 Điều 88 Luật Đất đai.		
	5. Quyết định thành lập Ban cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 102/2024/NĐ -CP.		
	6. Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại điểm c khoản 3 Điều 87 Luật Đất đai.		
	7. Quyết định thu hồi đất thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai; thu hồi đất liên quan đến quy định tại điểm b khoản 3, khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 87, khoản 7 Điều 91 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15; khoản 3, khoản 4, khoản 7 Điều 6 Nghị quyết số 226/2025/QH15.		
	8. Ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 89 Luật Đất đai; ban hành quyết định thành lập Ban cưỡng chế thu hồi đất quy định tại điểm a khoản 4 Điều 89 Luật Đất đai.		

		<p>9. Phê duyệt phương án cưỡng chế quyết định thu hồi đất và kinh phí cho hoạt động cưỡng chế quy định tại điểm b khoản 5 Điều 89 Luật Đất đai.</p>		
		<p>10. (1) Phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất theo thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 55 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo điểm c khoản 6 Điều 13 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP) (2) Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất, phê duyệt giá khởi điểm của khu đất, thửa đất đấu giá, quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất quy định tại Điều 229 Luật Đất đai đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai.</p>	<p>1. Sở Tư pháp: Khoản 4 Điều 55 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo điểm c khoản 6 Điều 13 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP) quy định: "<i>Cơ quan có chức năng quản lý đất đai kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất</i>". Như vậy, Ủy ban nhân dân thành phố không có thẩm quyền phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất nên việc quy định phân cấp như dự thảo là không phù hợp. Đề nghị bỏ.</p>	<p>Nội dung (1): Cơ quan soạn thảo đã bỏ nội dung này tại Dự thảo Quyết định do thẩm quyền này được quy định tại khoản 4 Điều 55 NĐ 102 (được sửa đổi, bổ sung theo điểm c khoản 6 Điều 13 NĐ 49) còn hiệu lực Nội dung (2): cơ quan soạn thảo đã bỏ nội dung này do thẩm quyền này được quy định tại khoản 6 Điều 55 NĐ số 102/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 9 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP) và đang còn hiệu lực</p>
		<p>11. Cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, đặc khu.</p>		
		<p>12. Thu hồi đất đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Đất đai.</p>		

5	Hiệu lực thi hành (Điều 5 Dự thảo Quyết định)	<p>1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026 đến ngày 01 tháng 3 năm 2027.</p> <p>2. Trong thời gian Quyết định này có hiệu lực thi hành, trường hợp Quyết định này và các Quyết định khác của Ủy ban nhân dân thành phố có quy định khác nhau về cùng một nội dung thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này.</p> <p>3. Ban hành kèm theo Quyết định này Phụ lục trình tự, thủ tục trong lĩnh vực đất đai quy định tại Điều 15 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP.</p>	<p>1. Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tư pháp; Trung tâm hành chính công:</p> <p>Đề nghị bổ sung các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về “trình tự, thủ tục hành chính về đất đai” theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP và phù hợp với phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 dự thảo Quyết định.</p>	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, bổ sung nội dung này tại Dự thảo Quyết định
6	Quy định chuyên tiếp (Điều 6 Dự thảo Quyết định)	<p>Các trường hợp đang thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, chấp thuận về việc thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án, chấp thuận, phê duyệt phương án sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, xác nhận thay đổi trên giấy chứng nhận đã cấp, đính chính, thu hồi, hủy giấy chứng nhận đã cấp,</p>	<p>1. Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố: Làm rõ việc xử lý các hồ sơ đang giải quyết dở dang khi thay đổi thẩm quyền.</p>	Cơ quan soạn thảo quy định cụ thể tại Điều 6 của Dự thảo Quyết định

		xác định lại diện tích đất ở trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan, người có thẩm quyền đang giải quyết tiếp tục thực hiện theo quy định.		
7	Tổ chức thực hiện (Điều 7 Dự thảo Quyết định)	<p>1. Cơ quan, người có thẩm quyền được phân cấp có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện việc quản lý Nhà nước đối với các nhiệm vụ được phân cấp tại Quyết định này theo quy định.</p> <p>Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; các Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành thuộc thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.</p>	<p>1. Thanh tra thành phố: đề nghị xem xét, bổ sung cơ chế giám sát của Ủy ban nhân dân thành phố (cơ quan phân cấp); chế độ báo cáo định kỳ đối với Ủy ban nhân dân cấp xã (cơ quan được phân cấp) đảm bảo đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả nhưng không buông lỏng trong quản lý đất đai.</p> <p>2. UBND xã Kiến Thụy: Đề nghị bổ sung cơ chế kiểm tra, giám sát và hướng dẫn chuyên môn từ cấp trên để cấp xã thực hiện đảm bảo các nhiệm vụ được giao</p> <p>3. Văn phòng Sở: Đề nghị chỉnh sửa nội dung tại khoản 1 Điều 7 thành: “1. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ nội dung được phân cấp, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về việc tổ chức triển khai thực hiện; báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.”</p> <p>4. Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố: (1) Làm rõ trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn chuyên môn của cơ quan chuyên môn cấp thành phố và các cơ quan liên quan; bổ sung cơ chế kiểm tra, giám sát của cấp thành phố đối với các quyết định đất đai do cấp xã ban hành nhằm hạn chế sai sót, tiêu cực trong quản lý đất đai. (2) Quy định rõ các trường hợp phải xin ý kiến hoặc</p>	Đề nghị này được quy định rõ trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Đất đai và các quy định có liên quan. Mặt khác, khi Quyết định này được ban hành, có hiệu lực, cơ quan ban hành sẽ có văn bản triển khai thực hiện, trong đó yêu cầu cụ thể đối với nội dung Thanh tra thành phố có ý kiến

			<p>báo cáo cấp trên trước khi quyết định nhằm hạn chế rủi ro pháp lý.</p> <p>(3) Đề nghị bổ sung quy định rõ trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong việc tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của người dân liên quan đến quyết định đất đai đã ban hành.</p> <p>(4) Quy định cụ thể trách nhiệm tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ cấp xã trước khi văn bản có hiệu lực thi hành</p>	
8	Ý kiến khác về các nội dung phân cấp		<p>1. UBND các xã: Tân An, Khúc Thừa Dụ, Vĩnh Lại, phường Nam Triệu, phường Bạch Đằng, đặc khu Bạch Long Vĩ đề nghị:</p> <p>(1) Tiếp tục phân cấp thẩm quyền thu hồi đất của tổ chức đối với trường hợp do vi phạm và chấm dứt việc sử dụng đất, trả lại đất, không còn khả năng tiếp tục sử dụng đất cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã như Nghị định số 151/2025/NĐ-CP</p> <p>(2) Tiếp tục phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, chấp thuận nhận chuyển nhượng đối với tổ chức được giao đất không thu tiền sử dụng đất, trả tiền thuê đất hằng năm, được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê như Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.</p> <p>2. Phường Đồ Sơn: Dự thảo Quyết định chưa phân cấp Thông báo thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại Điều 81, 82 Luật Đất đai.</p>	<p>Cơ quan soạn thảo giữ nguyên nội dung phân cấp theo Dự thảo Quyết định.</p> <p>Lý do: các xã, phường, đặc khu đề nghị phân cấp thấp (có 05/103 xã, phường, đặc khu đề nghị phân cấp và trong số 05 cấp xã đề nghị phân cấp chỉ có 01 xã Tân An có phát sinh, thực hiện 02 hồ sơ giao đất, cho thuê đất, 04 cấp xã còn lại không phát sinh hồ sơ) và căn cứ tình hình thực tế trên địa bàn thành phố, cơ quan soạn thảo đề xuất giữ nguyên nội dung đã phân cấp tại dự thảo để đảm bảo việc phân cấp thẩm quyền trên địa bàn thành phố được thống nhất (phần lớn các xã, phường, đặc khu (98/103 xã, phường, đặc khu các xã, phường, đặc khu) trên địa bàn thành phố nhất trí với việc phân cấp như dự thảo Quyết định).</p> <p>Thẩm quyền này của Ủy ban nhân dân thành phố, không phân cấp cho Ủy ban, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.</p>

			<p>3. Thanh tra thành phố: Quy định về phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại Điều 3, Điều 4 cần lưu ý đối với việc phân cấp thẩm quyền Đặc khu Bạch Long Vĩ (chỉ có phòng Kinh tế, không có phòng Kinh tế - Hạ tầng)</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát và không có nội dung liên quan đến đề nghị này</p>
			<p>5. Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố: Rà soát, đánh giá kỹ phạm vi phân cấp, năng lực tổ chức, nhân sự, cơ sở dữ liệu đất đai của cấp xã trước khi giao thẩm quyền để bảo đảm tính khả thi, tránh quá tải cho chính quyền cấp xã</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát, đánh giá nội dung này trong quá trình dự thảo Quyết định</p>
			<p>6. UBND phường Việt Hoà: (1) Đề nghị xem xét việc phân cấp trong việc ban hành quyết định cưỡng chế xử lý vi phạm hành chính về đất đai. (2)quyết định trưng dụng đất, gia hạn trưng dụng đất trong dự thảo Quyết định. (3)Về nghị xem xét việc phân cấp trong việc xác định giá đất cụ thể trong việc thực hiện bồi thường.</p>	<p>Nội dung (1) thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật xử lý vi phạm hành chính, không thuộc phạm vi điều chỉnh của khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP. Nội dung trưng dụng đất, giá đất (2), (3): không phân cấp cho UBND cấp tỉnh tại khoản 1 Điều 14 NĐ 49. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP: “<i>Các quy định về giá đất, về giá bán nhà ở tái định cư, về trưng dụng đất không quy định tại Nghị định này thì tiếp tục thực hiện theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP)</i>”.</p>
			<p>7. UBND xã An Lão: Phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nội dung sau: Quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ khi Nhà nước</p>	<p>Sở NNMT tiếp thu, nghiên cứu đưa vào Phụ lục trình từ, để làm rõ hơn trách nhiệm của UBND xã trong việc xác định đối tượng, diện tích, mức giảm tại các thủ tục giao đất, chuyên</p>

			giao đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở theo quy định của pháp luật đối với thửa đất thuộc địa bàn quản lý.	mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất
9	Ý kiến về thể thức, ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo		1. Thanh tra thành phố: (1) Về thể thức của dự thảo Quyết định, đề nghị theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ. (2) Sử dụng thống nhất cụm từ “UBND cấp xã” và “UBND xã, phường, đặc khu” trong Dự thảo Quyết định	Cơ quan soạn thảo đã rà soát, chỉnh sửa tại dự thảo
			2. Sở Khoa học và Công nghệ Đề nghị trình bày thể thức dự thảo Quyết định theo mẫu số 19 (Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP)	Cơ quan soạn thảo đã rà soát, chỉnh sửa tại dự thảo
			3. Chi cục Quản lý tài nguyên nước và phòng chống thiên tai (1) Đề nghị bỏ cụm từ “ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG” dưới phần tên gọi của văn bản trên phần căn cứ ban hành văn bản cho phù hợp với quy định tại Mẫu số 20 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. (1) Rà soát, chỉnh sửa thể thức văn bản cho phù hợp với ở phần: Số văn bản thêm năm ban hành và chữ đứng ở phần: Nơi nhận.	Cơ quan soạn thảo đã rà soát, chỉnh sửa tại dự thảo

		<p>4. Văn phòng Sở:</p> <p>(1) Đề nghị chỉnh sửa số, ký hiệu văn bản theo thể thức của văn bản quy phạm pháp luật Đề nghị bỏ căn cứ pháp lý do không liên quan đến nội dung dự thảo: “Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;” Chỉnh sửa thành: “Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;”</p> <p>(3) Đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa tên Quyết định thành “Quy định về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng”; đồng thời bỏ nội dung về trình tự, thủ tục hành chính do các nội dung về trình tự, thủ tục hành chính được công bố, ban hành, điều chỉnh tại các văn bản hành chính; xây dựng trình tự, thủ tục hành chính tại quyết định riêng. Phần nơi nhận, đề nghị chỉnh sửa theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ quy định về công tác văn thư.</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát, tiếp thu tại Dự thảo</p>
		<p>5. Sở Tư pháp:</p> <p>(1) Đề rà soát, chỉnh lý cách trình bày của dự thảo cho phù hợp với mẫu số 19 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau: - Bỏ dòng "ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ" ở dưới tên Quyết định. - Tại phần theo đề nghị sửa thành "Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường. " - Tại phần Ủy ban nhân dân thành phố ban hành, đề nghị bỏ đoạn "trong theo quy định tại Nghị định</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát, tiếp thu tại Dự thảo</p>

		<p>số 49/2026/NĐ- CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai”.</p> <p>(2) Phân căn cứ pháp lý, đề nghị: Bổ sung: "Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15". Sửa căn cứ Luật Đất đai thành: "Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15". Sắp xếp thứ tự các văn bản tại phần căn cứ theo thứ bậc pháp lý của văn bản: Nghị quyết ở sau các Luật. Đề nghị rà soát, chỉnh lý việc viện dẫn văn bản trong Dự thảo cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). Đề nghị rà soát, chỉnh lý phần nơi nhận cho chính xác và phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Điều 7 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Phụ lục I kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; cụ thể như sau: - Sửa "Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC)" thành " Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật)". - Bổ sung "Sở Tư pháp" (tách riêng).</p>	
--	--	---	--

PHỤ LỤC 02

**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA ĐỐI VỚI TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Nội dung quy định	Dự thảo quy định (đã gửi xin ý kiến)	Các ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo
I	TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THU HỒI, BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ			
1	Trình tự thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai quy định tại Điều 81 Luật Đất đai (<i>Mục I Phần I Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)	<p>1. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính kiến nghị hoặc cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền gửi kết luận thanh tra, kiểm tra đến Ủy ban nhân dân thành phố/cấp xã nơi có đất bị thu hồi.</p> <p>2. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị hoặc kết luận của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan có chức năng quản lý đất đai thành phố/cấp xã lập hồ sơ thu hồi đất trình Ủy ban nhân dân cùng cấp. Hồ sơ gồm:</p> <p>a) Tờ trình về việc thu hồi đất;</p> <p>b) Dự thảo Quyết định thu hồi đất theo Mẫu số 38 ban hành kèm theo Quyết định này;</p> <p>c) Các tài liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển đến quy định tại khoản 1 Mục này.</p> <p>3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân thành phố/cấp xã có trách nhiệm thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có).</p> <p>4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo thu hồi đất, Ủy ban nhân dân thành phố/cấp xã có trách nhiệm ban hành quyết định thu hồi đất và chỉ đạo việc tổ chức thực hiện quyết định thu hồi đất.</p> <p>5. Sau khi có Quyết định thu hồi đất, người có đất thu hồi có trách nhiệm chấp hành quyết định thu hồi đất, thực hiện bàn giao đất, giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ liên quan</p>	<p>1. Trung tâm phục vụ hành chính công: Dự thảo quy định trình tự thực hiện chưa đảm bảo sự thống nhất giữa khoản 1 và khoản 2, giữ khoản 3 và khoản 4.</p>	<p>Đề nghị không cụ thể, chưa rõ nên cơ quan soạn thảo chưa có cơ sở để chỉnh sửa, tiếp thu</p>

	<p>(nếu có) cho cơ quan, người có thẩm quyền được quy định tại quyết định thu hồi đất. Trường hợp người sử dụng đất không chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất.</p> <p>6. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP và bố trí kinh phí thực hiện cưỡng chế thu hồi đất.</p> <p>Đối với trường hợp cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất do có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người thì tùy trường hợp cụ thể Ủy ban nhân dân cấp xã được quyết định rút ngắn thời gian thực hiện các bước thủ tục cưỡng chế so với quy định tại Điều 39 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.</p> <p>7. Xử lý tài sản trên đất, giá trị tài sản còn lại của người có đất thu hồi</p> <p>a) Trường hợp thu hồi đất theo quy định tại khoản 6 Điều 81 Luật Đất đai thì giá trị tài sản được xác định tại thời điểm quyết định thu hồi đất do Hội đồng định giá tài sản xác định. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi đất, cơ quan tài chính trình cấp có thẩm quyền thu hồi đất thành lập Hội đồng định giá tài sản.</p> <p>Giá trị tài sản còn lại sau khi trừ đi các chi phí để thu hồi đất, bao gồm chi phí lập hồ sơ thu hồi đất, chi phí cưỡng chế thu hồi đất (nếu có), chi phí định giá tài sản và các chi phí khác để thu hồi đất, được hoàn trả cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày nhà đầu tư khác được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nộp nghĩa vụ tài chính bằng hoặc lớn hơn số tiền hoàn trả nêu trên.</p> <p>b) Trường hợp thu hồi đất theo quy định tại khoản 7 Điều 81 Luật Đất đai thì trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi đất theo quy định, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi được thực hiện bán tài sản theo quy định của pháp luật. Khi hết thời hạn nêu trên, người sử dụng đất thu hồi không</p>	
--	--	--

		<p>thực hiện được việc bán tài sản của mình gắn liền với đất thì Nhà nước không bồi thường đối với tài sản gắn liền với đất. Chủ sở hữu tài sản phải tự tháo dỡ tài sản trả lại mặt bằng cho Nhà nước theo thời hạn ghi trong quyết định thu hồi đất, trường hợp không thực hiện thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền cưỡng chế thu hồi đất theo quy định.</p> <p>Trường hợp nhà đầu tư mua lại tài sản gắn liền với đất của người có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật.</p>		
2	<p>Trình tự thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người, không còn khả năng tiếp tục sử dụng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 82 Luật Đất đai (<i>Mục II Phần I Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)</p>	<p>1. Cơ quan, người có thẩm quyền gửi một trong các văn bản, giấy tờ sau đến Ủy ban nhân dân thành phố/cấp xã:</p> <p>a) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết đã có hiệu lực pháp luật đối với trường hợp tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất bị giải thể, phá sản hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Giấy chứng tử hoặc quyết định tuyên bố một người là đã chết theo quy định của pháp luật đối với trường hợp cá nhân sử dụng đất chết mà không có người nhận thừa kế sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài sản theo quy định của pháp luật về dân sự;</p> <p>c) Quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn sử dụng đất;</p> <p>d) Văn bản chấm dứt dự án đầu tư đối với trường hợp thu hồi đất trong trường hợp chấm dứt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;</p> <p>đ) Văn bản thu hồi rừng đối với trường hợp thu hồi đất trong trường hợp đã bị thu hồi rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp;</p>		

		<p>e) Văn bản trả lại đất của người sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất và có đơn tự nguyện trả lại đất;</p> <p>g) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định mức độ ô nhiễm môi trường, sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đối với trường hợp các trường hợp thu hồi đất do có nguy cơ đe dọa tính mạng con người hoặc không còn khả năng tiếp tục sử dụng.</p> <p>2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có).</p> <p>3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo thu hồi đất, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền có trách nhiệm ban hành quyết định thu hồi đất và chỉ đạo việc tổ chức thực hiện quyết định thu hồi đất.</p> <p>Trường hợp người sử dụng đất không chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất.</p> <p>4. Người có đất thu hồi có trách nhiệm thực hiện nội dung quy định tại khoản 5 Mục I Phần này.</p> <p>5. Việc tổ chức cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất, xử lý tài sản trên đất, giá trị tài sản còn lại của người có đất thu hồi thực hiện theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Mục I Phần này.</p>		
3	<p>Trình tự thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Đất đai (<i>Mục III Phần I Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)</p>	<p>1. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã phát hiện người sử dụng đất là người dân tộc thiểu số chết mà không có người thừa kế thuộc hàng thừa kế là đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai, hoặc trường hợp người sử dụng đất chuyển khỏi địa bàn thành phố Hải Phòng đến nơi khác sinh sống hoặc không còn nhu cầu sử dụng mà không tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người thuộc hàng thừa kế là đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai, cơ quan có chức năng quản lý</p>	<p>1. Sở Tư pháp: Khoản 2 Mục III Phần I về trình tự thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Đất đai quy định: "<i>Trong thời hạn không quá 03 ngày, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thu hồi đất</i>". Tuy nhiên, theo khoản 12 Điều 4 dự thảo Quyết định thì Ủy ban nhân</p>	<p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa tại Phụ lục 1 của Dự thảo</p>

		<p>đất đai cấp xã lập hồ sơ thu hồi đất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.</p> <p>2. Trong thời hạn không quá 03 ngày, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thu hồi đất.</p> <p>3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi đất, cơ quan có chức năng quản lý đất đai trình cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng định giá tài sản để xác định giá trị tài sản gắn liền với đất, bồi thường cho người có đất thu hồi hoặc người được hưởng thừa kế.</p> <p>4. Việc xác định giá trị tài sản gắn liền với đất để bồi thường quy định tại khoản 3 Điều này được thực hiện như đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai. Kinh phí bồi thường được sử dụng từ ngân sách nhà nước bố trí cho việc thực hiện chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.</p>	<p>dân thành phố phân cấp thẩm quyền "Thu hồi đất đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Đất đai" cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>Do đó, quy định Mục 2 Phần III Phụ lục I nêu trên là không thống nhất với quy định về thẩm quyền trong dự thảo Quyết định. Đề nghị chỉnh lý cho thống nhất.</p>	
4	<p>Trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (<i>Mục IV Phần I Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)</p>	<p>1. Xây dựng kế hoạch thu hồi đất: Đơn vị, tổ chức có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét các căn cứ, điều kiện thu hồi đất quy định tại Điều 80 Luật Đất đai để xây dựng kế hoạch thu hồi đất.</p> <p>2. Tổ chức họp với người có đất trong khu vực thu hồi: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các cơ quan có liên quan, tổ chức họp với người có đất trong khu vực thu hồi để phổ biến, tiếp nhận ý kiến về các nội dung liên quan đến việc thu hồi đất bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.</p> <p>3. Thông báo thu hồi đất và gửi thông báo thu hồi đất: a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành thông báo thu hồi đất; b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi gửi thông báo thu hồi đất đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu</p>	<p>1. UBND phường Việt Hoà: Tại khoản 13 mục IV phụ lục I đề nghị bổ sung thành "điểm a khoản 9 Điều 3 Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội".</p> <p>2. Sở Tư pháp: Khoản 13 Mục IV Phần I về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định: "<i>Việc quyết định thu hồi đất phải đảm bảo đủ thời hạn theo quy định tại điểm a khoản 9 Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 85 Luật Đất đai</i>". Đề nghị bổ sung</p>	<p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa tại Phụ lục 1 của Dự thảo</p> <p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa tại Phụ lục 1 của Dự thảo</p>

	<p>có), đồng thời niêm yết thông báo thu hồi đất và danh sách người có đất thu hồi trên địa bàn quản lý.</p> <p>Trường hợp không liên lạc được, không gửi được thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) thì thông báo trên một trong các báo hàng ngày của trung ương và thành phố trong 03 số liên tiếp và phát sóng trên đài phát thanh hoặc truyền hình của trung ương và thành phố 03 lần trong 03 ngày liên tiếp; niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà không phải gửi thông báo thu hồi đất lại.</p> <p>4. Điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm:</p> <p>a) Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi, các cơ quan có liên quan và người có đất thu hồi thực hiện việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi.</p> <p>Đối với việc xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện.</p> <p>b) Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi điều tra, xác định, thống kê đầy đủ các thiệt hại thực tế về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; thu nhập từ việc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thu hồi, nguyện vọng tái định cư, chuyển đổi nghề;</p>	<p>Điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 được viện dẫn tại quy định trên.</p>	
--	---	--	--

		<p>c) Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không phối hợp trong việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư vận động, thuyết phục để tạo sự đồng thuận trong thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm. Việc tổ chức vận động, thuyết phục được tiến hành trong thời gian 15 ngày và phải được thể hiện bằng văn bản. - Quá thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận động, thuyết phục mà người có đất thu hồi vẫn không phối hợp điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc. Người có đất thu hồi có trách nhiệm thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc. - Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không chấp hành quyết định kiểm đếm bắt buộc và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định. <p>5. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p> <p>6. Niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 10 ngày.</p>		
--	--	--	--	--

	<p>7. Lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:</p> <p>Ngay sau khi hết thời hạn niêm yết công khai, tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo hình thức tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi. Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không tham gia họp trực tiếp có lý do chính đáng thì gửi ý kiến bằng văn bản.</p> <p>Việc tổ chức lấy ý kiến phải được lập thành biên bản, ghi rõ số lượng ý kiến đồng ý, số lượng ý kiến không đồng ý, số lượng ý kiến khác đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; có xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện những người có đất thu hồi.</p> <p>Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức đối thoại trong trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hoàn chỉnh phương án để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>8. Thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:</p> <p>a) Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gửi đến, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;</p> <p>b) Việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện như sau:</p>		
--	--	--	--

		<p>- Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gửi hồ sơ thẩm định đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã;</p> <p>- Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gửi đến, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p> <p>- Nội dung thẩm định bao gồm: việc tuân thủ quy định pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các nội dung khác có liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p> <p>9. Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:</p> <p>Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p> <p>10. Phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:</p> <p>Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.</p> <p>11. Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:</p> <p>Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời</p>		
--	--	--	--	--

	<p>gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p> <p>12. Thực hiện bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư: Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt.</p> <p>13. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định thu hồi đất theo quy định. Việc quyết định thu hồi đất phải đảm bảo đủ thời hạn theo quy định tại điểm a khoản 9 Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 85 Luật Đất đai.</p> <p>14. Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng ý hoặc không phối hợp thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt thì thực hiện như sau: a) Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư vận động, thuyết phục để tạo sự đồng thuận trong thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Việc tổ chức vận động, thuyết phục được tiến hành trong thời gian 10 ngày và phải được thể hiện bằng văn bản; b) Quá thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận động, thuyết phục mà người có đất thu hồi vẫn không đồng ý hoặc không phối hợp thực hiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định thu hồi đất.</p> <p>15. Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không bàn giao đất cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì thực hiện như sau: a) Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và đơn vị,</p>	
--	--	--

		<p>tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bàn giao đất cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Việc tổ chức vận động, thuyết phục được tiến hành trong thời gian 10 ngày và phải được thể hiện bằng văn bản;</p> <p>b) Quá thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận động, thuyết phục mà người có đất thu hồi vẫn không chấp hành việc bàn giao đất cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 89 của Luật Đất đai.</p> <p>16. Quản lý đất đã được thu hồi</p> <p>Tổ chức phát triển quỹ đất, Chi nhánh Tổ chức phát triển quỹ đất khu vực, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý đất đã được thu hồi trong khi chưa giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 5 Điều 86 của Luật Đất đai.</p>		
5	<p>Trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất đối với phần diện tích còn lại không thỏa thuận được của dự án sử dụng đất thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất quy định tại điểm b khoản 2 và điểm d khoản 13 Điều 3</p>	<p>1. Khi hết thời hạn phải hoàn thành việc thỏa thuận hoặc hết thời gian gia hạn phải hoàn thành thỏa thuận mà đã thỏa thuận được trên 75% diện tích đất và trên 75% số lượng người sử dụng đất, tổ chức kinh tế có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất đề nghị chủ trì cuộc họp với người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, tổ chức kinh tế và người có quyền, nghĩa vụ liên quan (nếu có) để tiếp tục thực hiện phương án thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất của tổ chức kinh tế. Việc tổ chức cuộc họp quy định tại điểm này phải hoàn thành trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức kinh tế. Tổ chức kinh tế có trách nhiệm chứng minh dự án đã thỏa thuận được trên 75% diện tích đất và trên 75% số lượng người sử dụng đất.</p> <p>Kết quả cuộc họp được lập thành biên bản, trong đó thể hiện rõ trường hợp thỏa thuận được, nội dung thỏa thuận; trường hợp</p>		

<p>của Nghị quyết số 254/2025/QH15 (Mục V Phần I Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>không thỏa thuận được; trường hợp vắng mặt. Biên bản được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã và lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, tổ chức kinh tế và người có quyền, nghĩa vụ liên quan (nếu có) thống nhất việc thỏa thuận thì thực hiện theo thỏa thuận đó.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được thỏa thuận quy định tại khoản 1 mục này, tổ chức kinh tế lập dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; cơ quan có chức năng quản lý về đầu tư căn cứ vào điều kiện thu hồi đất quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 254/2025/QH15, khoản 3 Điều 3 Nghị định này và pháp luật về đầu tư để xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư hoặc quyết định chấp thuận nhà đầu tư.</p> <p>3. Tổ chức kinh tế được công nhận là chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thu hồi đất đối với phần diện tích đất còn lại không thỏa thuận được và gửi hồ sơ đến Bộ phận Một cửa. Hồ sơ gồm: văn bản đề nghị thu hồi đất theo Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị định này; văn bản cho phép thực hiện dự án thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất; biên bản cuộc họp quy định tại khoản 1 mục này; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư hoặc quyết định chấp thuận nhà đầu tư.</p> <p>4. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thu hồi đất, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát hồ sơ và yêu cầu tổ chức kinh tế bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành phố.</p> <p>5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thành phố xem xét, thông qua việc thu hồi đất đối với phần diện tích đất còn lại không thỏa thuận được để thực hiện dự án.</p>		
--	---	--	--

		<p>6. Cơ quan, người có thẩm quyền tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất đối với phần diện tích đất còn lại không thỏa thuận được.</p> <p>7. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì phối hợp với tổ chức kinh tế tổ chức xác định số tiền chênh lệch giữa số tiền trung bình của giá đất đã thỏa thuận trên một đơn vị diện tích đất với số tiền theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tính trên một đơn vị diện tích đất thu hồi theo loại đất trong khu vực dự án.</p> <p>8. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt số tiền chênh lệch quy định tại khoản 7 mục này đồng thời với trình tự thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p> <p>9. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án và số tiền chênh lệch quy định tại khoản 7 mục này cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p> <p>10. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi đất.</p>		
6	<p>Trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại các điểm a và điểm b khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết số 254/2025/QH15 (Mục VI Phần I Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>1. Trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất trước khi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết số 254/2025/QH15 thực hiện theo quy định tại Điều 87 của Luật Đất đai, trong đó thứ tự thực hiện một số bước công việc như sau:</p> <p>a) Đối với dự án quan trọng quốc gia mà cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoặc dự án đầu tư công khẩn cấp thì trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi đất. Đối với dự án được trên 75% người sử dụng đất đồng ý thu hồi đất trước khi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đơn vị,</p>		

	<p>tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gửi văn bản xác nhận số người sử dụng đất đồng ý về cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã đề trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi đất. Việc xác định người sử dụng đất đồng ý thu hồi đất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định này;</p> <p>b) Sau khi có quyết định thu hồi đất, người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) có trách nhiệm bàn giao đất theo quy định. Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) không bàn giao đất thì thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 87 của Luật Đất đai;</p> <p>c) Cơ quan, người có thẩm quyền tiếp tục thực hiện các công việc quy định tại các khoản 3, 4 và 8 Điều 87 của Luật Đất đai.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất trước khi hoàn thành việc bố trí tái định cư quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết số 254/2025/QH15 thực hiện theo quy định tại Điều 87 của Luật Đất đai, trong đó thứ tự thực hiện một số bước công việc như sau:</p> <p>a) Đối với dự án đầu tư công khẩn cấp, dự án thực hiện tái định cư tại chỗ, dự án bố trí tái định cư theo tuyến công trình chính thì trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt và đã hoàn thành bố trí tạm cư hoặc chi trả kinh phí tạm cư cho người có đất thu hồi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định thu hồi đất;</p> <p>b) Sau khi có quyết định thu hồi đất, người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) có trách nhiệm bàn giao đất theo quy định. Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) không</p>	
--	---	--

		<p>bàn giao đất thì thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 87 của Luật Đất đai.</p> <p>c) Cơ quan, người có thẩm quyền tiếp tục thực hiện việc bố trí tái định cư và các công việc khác theo quy định tại Điều 87 của Luật Đất đai.</p>		
II	<p>TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIAO ĐẤT; CHO THUÊ ĐẤT; CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT; GIAO ĐẤT VÀ GIAO RỪNG; CHO THUÊ ĐẤT VÀ CHO THUÊ RỪNG; CHUYỂN HÌNH THỨC GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT; GIA HẠN SỬ DỤNG ĐẤT; ĐIỀU CHỈNH THỜI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT; GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT ĐỒNG THỜI GIAO KHU VỰC BIỂN ĐỂ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG LẤN BIỂN</p>			
7	<p>Trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất và trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và cho thuê đất và cho</p>	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân đề nghị giao đất, cho thuê đất, giao rừng, cho thuê rừng, giao khu vực biển nộp 01 hồ sơ quy định tại khoản 2 Mục này tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ do Ủy ban nhân dân thành phố quy định.</p> <p>b) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai thực hiện:</p> <p>b1) Rà soát, kiểm tra hồ sơ; hướng dẫn người nộp hồ sơ làm lại hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ;</p> <p>b2) Kiểm tra thực địa; trường hợp giao đất và giao rừng, cho thuê đất và cho thuê rừng thì cơ quan lâm nghiệp kiểm tra thực địa hiện trạng khu rừng giữa hồ sơ và thực địa dự kiến giao;</p> <p>b3) Chuyển thông tin đến các cơ quan chuyên môn có liên quan để thực hiện thủ tục xác định trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho cả thời gian thuê theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (nếu có);</p> <p>b4) Hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất, giao rừng, cho thuê rừng, giao khu vực biển.</p>		

<p>thuê rừng; giao đất, cho thuê đất đồng thời giao khu vực biên để thực hiện hoạt động lấn biển (Mục I Phần II Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>Hồ sơ gồm: Đơn và giấy tờ quy định tại khoản 2 Mục này; Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất; Tờ trình theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Quyết định này; Dự thảo Quyết định theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Quyết định này.</p> <p>c) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất, giao rừng, cho thuê rừng, giao khu vực biên;</p> <p>d) Các cơ quan chuyên môn thực hiện như sau:</p> <p>d1) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai chuyên thông tin theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Quyết định này đến cơ quan tài chính đối với trường hợp phải nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa. Cơ quan tài chính xác định và ban hành Thông báo số tiền phải nộp theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Quyết định này.</p> <p>d2) Cơ quan xây dựng xác định chi phí xây dựng hạ tầng theo quy định của pháp luật về xây dựng và chuyển thông tin đến cơ quan thuế đối với trường hợp phải xác định chi phí xây dựng hạ tầng.</p> <p>d3) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai tổ chức việc xác định giá đất theo quy định đối với trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và chuyển thông tin theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Quyết định này đến cơ quan thuế.</p> <p>đ) Cơ quan thuế thực hiện thủ tục xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; tiền thuê đất được miễn đối với trường hợp được miễn một số năm theo quy định của Chính phủ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; các nghĩa vụ tài chính khác phải nộp theo quy định; ban hành thông báo nộp tiền gửi cho người sử dụng đất. Người sử dụng đất nộp các nghĩa vụ tài chính theo thông báo của cơ quan thuế và thông báo của cơ quan tài chính (nếu có). Cơ quan thuế và cơ quan tài chính (nếu có) xác nhận hoàn</p>		
---	---	--	--

	<p>thành nghĩa vụ tài chính và gửi thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường;</p> <p>e) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai:</p> <p>e1) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp thành phố ký cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp thành phố; cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>e2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp thành phố ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp thành phố; cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>e3) Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính và cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp để cập nhật, lưu trữ hồ sơ theo pháp luật về lâm nghiệp;</p> <p>g) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai bàn giao đất, bàn giao rừng, bàn giao khu vực biển trên thực địa thực hiện theo Mẫu số 13 ban hành kèm theo Quyết định này và trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất.</p> <p>2. Thành phần hồ sơ:</p> <p>Hồ sơ gồm: Đơn theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định này; Bản trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính và một trong các loại giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Văn bản phê duyệt dự án đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác</p>		
--	---	--	--

	<p>công tư hoặc các văn bản, giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật;</p> <p>Trường hợp trong các văn bản quy định tại điểm này không thể hiện năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư thì phải có các tài liệu chứng minh năng lực tài chính.</p> <p>b) Bản sao văn bản của đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất về kết quả đấu giá quyền sử dụng đất không thành quy định tại điểm b khoản 6 Điều 125 Luật Đất đai;</p> <p>c) Bản sao các văn bản theo quy định của pháp luật đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 133 Luật Đất đai mà phải thu hồi đất để giao đất, cho thuê đất cho tổ chức, cá nhân sau chia tách, sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức;</p> <p>d) Bản sao Phương án sử dụng đất đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt đối với tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trước ngày Luật Đất đai có hiệu lực thi hành đối với trường hợp quy định tại Điều 180 Luật Đất đai (nếu có);</p> <p>đ) Bản sao Phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp tại địa phương đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp quy định tại Điều 181 Luật Đất đai (nếu có);</p> <p>e) Bản sao Phương án sử dụng đất đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt đối với diện tích đất thu hồi của công ty nông, lâm nghiệp quản lý, sử dụng để giao đất, cho thuê đất quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 181 Luật Đất đai (nếu có);</p> <p>g) Bản sao dự án đầu tư lấn biển hoặc hạng mục lấn biển của dự án đầu tư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp quy định tại Điều 190 Luật Đất đai.</p> <p>h) Đối với trường hợp giao rừng, cho thuê rừng thì phải có thêm các tài liệu sau:</p>		
--	---	--	--

		<p>h1) Báo cáo điều tra, đánh giá hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp đối với trường hợp giao đất và giao rừng;</p> <p>h2) Kết quả đấu giá thuê rừng; biên bản đấu giá cho thuê rừng; danh sách người trúng đấu giá thuê rừng; thông báo hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với người trúng đấu giá thuê rừng đối với trường hợp cho thuê đất và cho thuê rừng; dự án đầu tư đối với khu rừng đề nghị thuê; báo cáo điều tra, đánh giá hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp đối với trường hợp cho thuê đất và cho thuê rừng.</p> <p>3. Thời gian thực hiện: Không quá 15 ngày.</p> <p>Các cơ quan liên quan đến quá trình thực hiện trình tự, thủ tục không được quy định thêm thủ tục và không được thực hiện thêm bất kỳ thủ tục nào khác ngoài thủ tục quy định nêu trên.</p>		
8	<p>Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất; chuyển hình thức sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư (<i>Mục II Phần II Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>(1) Hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất gồm:</p> <p>a) Đơn theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định này;</p> <p>b) Một trong các giấy chứng nhận quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật Đất đai hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 Luật Đất đai hoặc quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ; các tài liệu liên quan đến việc đáp ứng tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác quy định tại khoản 1 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (nếu có);</p> <p>c) Bản trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính.</p> <p>(2) Hồ sơ đề nghị chuyển hình thức sử dụng đất gồm:</p>	<p>1. UBND phường An Dương:</p> <p>(1) Bổ sung nội dung “Sau khi có xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Chuyển hồ sơ đến cấp có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, ... thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc xác nhận nội dung thay đổi trên giấy chứng nhận đã cấp và trả kết quả theo quy định, trong trường hợp cần thiết theo quy định việc bàn giao đất trên thực địa thực hiện theo Mẫu số 13 Quyết định này và trao Giấy chứng nhận cho người</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát, tiếp thu của Dự thảo</p>

	<p>a) Đơn theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định này;</p> <p>b) Một trong các giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật Đất đai hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 Luật Đất đai;</p> <p>c) Quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai qua các thời kỳ;</p> <p>d) Bản trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính.</p> <p>(3) Hồ sơ đề nghị gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất gồm:</p> <p>a) Đơn theo Mẫu số 17 ban hành kèm theo Quyết định này;</p> <p>b) Một trong các giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật Đất đai;</p> <p>c) Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ;</p> <p>d) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư hoặc thể hiện thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với trường hợp sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư;</p> <p>đ) Bản trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính.</p> <p>(4) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư gồm:</p> <p>a) Đơn theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Quyết định này;</p> <p>b) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép thay đổi thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;</p>	<p>sử dụng đất”.</p> <p>(2) Điều chỉnh điểm e2 thành “Chuyển hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính”.</p>	
--	--	--	--

		<p>c) Một trong các giấy chứng nhận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng trước ngày Luật Đất đai có hiệu lực thi hành; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;</p> <p>d) Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ;</p> <p>đ) Bản trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính.</p> <p>2. Trình tự thực hiện:</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất; chuyển hình thức sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Mục này cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ do Ủy ban nhân dân thành phố quy định. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường;</p> <p>b) Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường:</p> <p>b1) Rà soát, kiểm tra hồ sơ; hướng dẫn người nộp hồ sơ làm lại hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ;</p> <p>b2) Kiểm tra thực địa thửa đất đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất;</p> <p>b3) Chuyển thông tin đến các cơ quan chuyên môn có liên quan để thực hiện thủ tục xác định trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho cả thời gian thuê theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (nếu có);</p>		
--	--	--	--	--

		<p>b4) Hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất.</p> <p>Hồ sơ gồm: Đơn và giấy tờ quy định tại khoản 1 Mục này; Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất; Tờ trình theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Quyết định này; Dự thảo Quyết định theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Quyết định này đối với trường hợp cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Mẫu số 08 ban hành kèm theo Quyết định này đối với trường hợp chuyển hình thức sử dụng đất; Mẫu số 18 ban hành kèm theo Quyết định này đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng; Mẫu số 19 ban hành kèm theo Quyết định này đối với trường hợp điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư);</p> <p>c) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét ban hành Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất;</p> <p>d) Các cơ quan chuyên môn thực hiện như sau:</p> <p>d1) Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường chuyển thông tin theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Quyết định này đến cơ quan tài chính đối với trường hợp phải nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa. Cơ quan tài chính xác định và ban hành Thông báo số tiền phải nộp theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Quyết định này;</p> <p>d2) Cơ quan xây dựng xác định chi phí xây dựng hạ tầng theo quy định của pháp luật về xây dựng và chuyển thông tin đến cơ quan thuế đối với trường hợp phải xác định chi phí xây dựng hạ tầng;</p> <p>d3) Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường tổ chức việc xác định giá đất theo quy định đối với trường hợp</p>		
--	--	---	--	--

	<p>phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và chuyển thông tin theo Mẫu số 10 ban hành kèm Quyết định này theo đến cơ quan thuế;</p> <p>đ) Cơ quan thuế thực hiện thủ tục xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; tiền thuê đất được miễn đối với trường hợp được miễn một số năm theo quy định của Chính phủ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; các nghĩa vụ tài chính khác phải nộp theo quy định; ban hành thông báo nộp tiền gửi cho người sử dụng đất. Người sử dụng đất nộp các nghĩa vụ tài chính theo thông báo của cơ quan thuế và thông báo của cơ quan tài chính (nếu có). Cơ quan thuế và cơ quan tài chính (nếu có) xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính và gửi thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường;</p> <p>e) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai:</p> <p>e1) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai thành phố ký hợp đồng thuê đất hoặc phụ lục hợp đồng thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố; cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp xã ký hợp đồng thuê đất hoặc phụ lục hợp đồng thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã;</p> <p>e2) Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để thực hiện việc đăng ký biến động, cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính và trả kết quả theo quy định.</p> <p>3. Thời gian thực hiện trình tự, thủ tục không quá 15 ngày.</p> <p>Các cơ quan liên quan đến quá trình thực hiện trình tự, thủ tục không được quy định thêm thủ tục và không được thực hiện thêm bất kỳ thủ tục nào khác ngoài thủ tục quy định nêu trên.</p>	
--	--	--

9	<p>Trình tự, thủ tục gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất đối với trường hợp sử dụng đất không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư (<i>Mục III Phần II Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)</p>	<p>1. Các điều kiện gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất bao gồm:</p> <p>a) Không thuộc trường hợp không phải làm thủ tục gia hạn khi hết thời hạn sử dụng đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 172 và khoản 1 Điều 174 Luật Đất đai (trường hợp thực hiện thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất quy định tại mục VI phần II, Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này).</p> <p>b) Mục đích sử dụng đất, vị trí, diện tích của thửa đất xin gia hạn không thay đổi so với mục đích sử dụng đất, vị trí, diện tích đã giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất.</p> <p>2. Thời hạn được gia hạn được xác định theo nguyên tắc sau đây:</p> <p>a) Không vượt quá thời hạn sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 172 Luật Đất đai đối với trường hợp phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hoặc kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chuyên ngành có liên quan đã được phê duyệt;</p> <p>b) Không vượt quá thời hạn dự kiến sẽ sử dụng đất theo mục đích khác được thể hiện trong quy hoạch sử dụng đất hoặc kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chuyên ngành có liên quan đã được phê duyệt đối với trường hợp mục đích sử dụng đất được quy hoạch khác với mục đích sử dụng đất trước khi đề nghị gia hạn.</p> <p>3. Trong thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 172 Luật Đất đai, người sử dụng đất có nhu cầu gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất thì nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn sử dụng đất tại Bộ phận Một cửa. Hồ sơ bao gồm: đơn đề nghị gia hạn sử dụng đất theo Mẫu số 17 kèm theo Quyết định này và một trong các giấy tờ sau:</p> <p>a) Một trong các loại giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 của Luật Đất đai;</p> <p>b) Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.</p>		
---	---	--	--	--

		<p>4. Trường hợp quy định tại mục này thì thực hiện theo trình tự, thủ tục gia hạn sử dụng đất mà không phải thực hiện thủ tục kiểm tra thực địa và bàn giao đất trên thực địa.</p>		
10	<p>Trình tự, thủ tục điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (Mục IV Phần II Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>a) Đơn theo Mẫu số 04 kèm theo Quyết định này;</p> <p>b) Một trong các giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật Đất đai hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 Luật Đất đai hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ.</p> <p>c) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có nội dung làm thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (đối với trường hợp thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất);</p> <p>d) Bản trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính.</p> <p>2. Trình tự thực hiện:</p> <p>a) Người đề nghị điều chỉnh quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất làm đơn theo Mẫu số 04 kèm theo Quyết định này nộp cho Bộ phận Một cửa theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thành phố, cấp xã;</p> <p>b) Cơ quan có chức năng về quản lý đất đai tại cấp có thẩm quyền thực hiện:</p>		

		<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, kiểm tra hồ sơ; hướng dẫn người nộp hồ sơ làm lại hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ; - Kiểm tra thực địa thửa đất. - Chuyển thông tin đến các cơ quan chuyên môn có liên quan để thực hiện thủ tục xác định trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho cả thời gian thuê theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định điều chỉnh quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Hồ sơ gồm: đơn và giấy tờ quy định tại khoản 5 thủ tục này; kèm trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất, tờ trình theo Mẫu số 05 kèm theo Quyết định này kèm theo dự thảo quyết định điều chỉnh quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 09 tại kèm theo Quyết định này. c) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét ban hành quyết định điều chỉnh quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; d) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai chuyển thông tin địa chính thửa đất theo Mẫu số 10 kèm theo Quyết định này cho cơ quan thuế; d) Cơ quan có chức năng về quản lý đất đai tại cấp có thẩm quyền chuyển thông tin theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Quyết định này đến cơ quan tài chính đối với trường hợp phải nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa. Cơ quan tài chính xác định và ban hành Thông báo số tiền phải nộp theo Mẫu số 12 kèm theo Quyết định này. e) Cơ quan xây dựng xác định chi phí xây dựng hạ tầng theo quy định của pháp luật về xây dựng và chuyển thông tin 		
--	--	---	--	--

	<p>đến cơ quan thuế đối với trường hợp phải xác định chi phí xây dựng hạ tầng;</p> <p>f) Cơ quan có chức năng về quản lý đất đai tại cấp có thẩm quyền tổ chức việc xác định giá đất theo quy định đối với trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và chuyển thông tin theo Mẫu số 10 kèm theo Quyết định này đến cơ quan thuế;</p> <p>g) Cơ quan thuế xác định tiền sử dụng đất/tiền thuê đất phải nộp theo quy định; trường hợp được miễn tiền thuê đất một số năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản theo quy định của Chính phủ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì cơ quan thuế xác định tiền thuê đất phải nộp một số năm; ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất gửi cho người sử dụng đất. Người sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (nếu có). Cơ quan thuế xác nhận hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất và gửi thông báo kết quả cho Cơ quan có chức năng quản lý đất đai (nếu có);</p> <p>h) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp thành phố ký hợp đồng thuê đất hoặc phụ lục hợp đồng thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp thành phố; cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký hợp đồng thuê đất hoặc phụ lục hợp đồng thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; việc bàn giao đất trên thực địa thực hiện theo Mẫu số 13 kèm theo Quyết định này và trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất;</p> <p>i) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.</p> <p>3. Thời gian thực hiện trình tự, thủ tục không quá 07 ngày.</p>		
--	---	--	--

		<p>Các cơ quan liên quan đến quá trình thực hiện trình tự, thủ tục không được quy định thêm thủ tục và không được thực hiện thêm bất kỳ thủ tục nào khác ngoài thủ tục quy định nêu trên.</p>		
11	<p>Trình tự, thủ tục giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ: Đơn theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định này.</p> <p>2. Trình tự thực hiện</p> <p>a) Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cá nhân khác có nhu cầu sử dụng đất nộp hồ sơ đề nghị giao đất ở (căn cứ vào quỹ đất đã được xác định vào mục đích đất ở theo quy hoạch, chỉ tiêu sử dụng đất cấp xã mà chưa giao tại địa phương thuộc trường hợp giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu giá quyền sử dụng đất ở cho cá nhân không thành do không có người tham gia);</p> <p>b) Cá nhân có nhu cầu sử dụng đất nộp đơn đề nghị giao đất ở tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định này;</p> <p>c) Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng xét duyệt giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất;</p> <p>d) Hội đồng xét duyệt cá nhân đủ điều kiện giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp thành phố.</p> <p>đ) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã hoàn thiện hồ sơ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định giao đất cho cá nhân đủ điều kiện.</p> <p>e) Thực hiện quy định tại các điểm d, đ, e và g khoản 2 mục I phần C Phụ lục II Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ, cụ thể:</p>		

<p>công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về</p>	<p>“d) Các cơ quan chuyên môn thực hiện như sau:</p> <p>d1) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai chuyển thông tin theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Quyết định này đến cơ quan tài chính đối với trường hợp phải nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa. Cơ quan tài chính xác định và ban hành Thông báo số tiền phải nộp theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Quyết định này.</p> <p>d2) Cơ quan xây dựng xác định chi phí xây dựng hạ tầng theo quy định của pháp luật về xây dựng và chuyển thông tin đến cơ quan thuế đối với trường hợp phải xác định chi phí xây dựng hạ tầng.</p> <p>d3) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai tổ chức việc xác định giá đất theo quy định đối với trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và chuyển thông tin theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Quyết định này đến cơ quan thuế.</p> <p>đ) Cơ quan thuế thực hiện thủ tục xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; tiền thuê đất được miễn đối với trường hợp được miễn một số năm theo quy định của Chính phủ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; các nghĩa vụ tài chính khác phải nộp theo quy định; ban hành thông báo nộp tiền gửi cho người sử dụng đất. Người sử dụng đất nộp các nghĩa vụ tài chính theo thông báo của cơ quan thuế và thông báo của cơ quan tài chính (nếu có). Cơ quan thuế và cơ quan tài chính (nếu có) xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính và gửi thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường;</p> <p>e) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai:</p> <p>e1) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp thành phố ký cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp thành phố; cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp thuộc</p>		
--	---	--	--

	<p>nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở (Mục V Phần II Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>e2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp thành phố ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp thành phố; cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>e3) Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính và cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp để cập nhật, lưu trữ hồ sơ theo pháp luật về lâm nghiệp;</p> <p>g) Cơ quan quản lý đất đai bàn giao đất, bàn giao rừng, bàn giao khu vực biên trên thực địa thực hiện theo Mẫu số 13 ban hành kèm theo Quyết định này và trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất.”</p> <p>2. Thời gian thực hiện: Không quá 35 ngày.</p> <p>Các cơ quan liên quan đến quá trình thực hiện trình tự, thủ tục giao đất không được quy định thêm thủ tục và không được thực hiện thêm bất kỳ thủ tục nào khác ngoài thủ tục quy định nêu trên.</p>		
12	<p>Trình tự, thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng (Mục VI Phần II Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>1. Người sử dụng đất nộp văn bản đề nghị xác nhận lại thời hạn sử dụng đất theo Mẫu số 39 kèm theo Quyết định này và giấy chứng nhận đã cấp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thành phố, cấp xã;</p> <p>Trường hợp người sử dụng đất nộp tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm</p>	<p>1. UBND phường An Dương: Điều chỉnh quy trình theo thẩm quyền khoản 2 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ.</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát, tiếp thu của Dự thảo</p>

		<p>chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.</p> <p>2. Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra hồ sơ; xác nhận thời hạn được tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 172 Luật Đất đai vào giấy chứng nhận đã cấp hoặc cấp mới Giấy chứng nhận nếu người sử dụng đất có nhu cầu; cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; trao giấy chứng nhận cho người sử dụng đất hoặc chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp xã để trả cho người sử dụng đất.</p> <p>3. Thời hạn thực hiện thủ tục không quá 07 ngày làm việc.</p>		
III	TRÌNH TỰ, THỦ TỤC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG, THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, NHẬN GÓP VỐN BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ; THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT; SỬ DỤNG ĐẤT ĐA MỤC ĐÍCH; GÓP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, ĐIỀU CHỈNH LẠI ĐẤT ĐAI			
13	<p>Trình tự, thủ tục để tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư (Mục I Phần III Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>1. Tổ chức kinh tế có nhu cầu nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thì có trích lục vị trí khu đất mà nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án và văn bản đề nghị theo Mẫu số 37 kèm theo Quyết định này gửi Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền nơi có đất.</p> <p>2. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao cơ quan có chức năng quản lý đất đai chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p> <p>3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp cùng cấp phải có văn bản thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền. Văn bản thẩm định gồm các nội dung sau:</p> <p>a) Điều kiện về sự phù hợp với quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch nông thôn đã được phê duyệt và công bố;</p>		

	<p>b) Việc đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 122 Luật Đất đai;</p> <p>c) Việc đáp ứng các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật Đất đai;</p> <p>d) Các thông tin trong hồ sơ địa chính của thửa đất, khu đất mà nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án;</p> <p>đ) Kết luận về việc đủ điều kiện cho phép tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư; trường hợp không đủ điều kiện thì nêu rõ lý do;</p> <p>e) Đề xuất việc chấp thuận hay không chấp thuận cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất.</p> <p>4. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định do cơ quan có chức năng quản lý đất đai trình, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét và có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận tổ chức kinh tế được nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án gửi tổ chức kinh tế có văn bản đề nghị. Nội dung của văn bản chấp thuận phải nêu rõ quy mô, diện tích, vị trí, thời hạn phải hoàn thành việc thỏa thuận và các nội dung khác có liên quan.</p> <p>5. Căn cứ văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, tổ chức kinh tế thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án theo quy định.</p> <p>Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thì trình tự, thủ tục thực hiện theo Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất; chuyển hình thức sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.</p>	
--	---	--

14	<p>Trình tự, thủ tục để tổ chức kinh tế lựa chọn nhận chuyển quyền sử dụng đất mà không đề xuất thu hồi đất quy định tại điểm c khoản 1 Điều 127 của Luật Đất đai (Mục II Phần III Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>1. Căn cứ Quy hoạch, chủ trương đầu tư dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức kinh tế có nhu cầu lựa chọn phương án thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất mà không đề xuất thu hồi đất theo Điều 79 có đơn đề nghị theo Mẫu số 16 ban hành kèm theo Quyết định này gửi Bộ phận Một cửa của cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp thành phố.</p> <p>2. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân thành phố giao cơ quan có chức năng quản lý đất đai chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận.</p> <p>3. Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan có chức năng quản lý đất đai thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định cho phép thực hiện phương án thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất mà không thực hiện thu hồi đất nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 127 của Luật Đất đai; có văn bản trả lời tổ chức kinh tế nếu không đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 127 của Luật Đất đai.</p> <p>4. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có chức năng quản lý đất đai thành phố có văn bản trình, Ủy ban nhân dân thành phố có văn bản cho phép hoặc không cho phép tổ chức kinh tế thực hiện phương án thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất mà không thực hiện thu hồi đất.</p> <p>5. Sau khi có văn bản cho phép thực hiện phương án thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất thì thực hiện theo trình tự, thủ tục để tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.</p> <p>6. Trường hợp tổ chức kinh tế đã nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án mà đến thời điểm hết hạn sử dụng đất đối với đất đã nhận quyền nhưng vẫn chưa hoàn thành thủ tục về đất đai để thực hiện dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 127 của</p>		
----	--	--	--	--

		Luật Đất đai thì được tiếp tục thực hiện các thủ tục để triển khai dự án mà không phải thực hiện thủ tục gia hạn quy định tại khoản 3 Điều 172 của Luật Đất đai.		
15	Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất (<i>Mục III Phần III Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)	<p>1. Công ty nông, lâm nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai thành phố.</p> <p>2. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp, cơ quan có chức năng quản lý đất đai thành phố có trách nhiệm gửi hồ sơ phương án sử dụng đất đến các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất để lấy ý kiến và trình Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Hội đồng thẩm định.</p> <p>Thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố làm Chủ tịch Hội đồng, Thủ trưởng cơ quan có chức năng quản lý đất đai thành phố làm Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên là đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành có liên quan, đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất.</p> <p>3. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai thành phố;</p> <p>4. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, cơ quan có chức năng quản lý đất đai thành phố có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng để thẩm định;</p> <p>5. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày thẩm định, nếu hồ sơ phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp không phải chỉnh sửa thì cơ quan có chức năng quản lý đất đai thành phố trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.</p> <p>Trường hợp hồ sơ phương án sử dụng đất phải chỉnh sửa, bổ sung thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày thẩm định, cơ quan có chức năng quản lý đất đai thành phố</p>		

	<p>thông báo cho công ty nông, lâm nghiệp để hoàn thiện; trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày công ty nông, lâm nghiệp hoàn thiện hồ sơ và gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai thành phố, nếu hồ sơ đầy đủ thì cơ quan có chức năng quản lý đất đai thành phố trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt;</p> <p>6. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phương án sử dụng đất do cơ quan có chức năng quản lý đất đai thành phố trình, Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm xem xét, phê duyệt phương án sử dụng đất.</p> <p>7. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất, bao gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất theo Mẫu số 29 ban hành kèm theo Quyết định này;</p> <p>b) Phương án sử dụng đất; nội dung phương án sử dụng đất gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ lập phương án sử dụng đất; - Phân tích, đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; - Định hướng sử dụng đất, phương hướng nhiệm vụ, phương án sản xuất, kinh doanh cụ thể của công ty nông, lâm nghiệp; - Đánh giá tác động của phương án sử dụng đất đến kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và phương án sản xuất, kinh doanh; - Các giải pháp tổ chức thực hiện đối với phần diện tích đất công ty nông, lâm nghiệp giữ lại; - Xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất, hiện trạng sử dụng đất khu vực đất bàn giao cho địa phương theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 181 Luật Đất đai; - Thuyết minh phương án sử dụng đất. 	
--	---	--

		<p>c) Bản đồ địa chính có thể hiện ranh giới sử dụng đất hoặc hồ sơ ranh giới sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp;</p> <p>bản tổng hợp diện tích các loại đất của công ty nông, lâm nghiệp;</p> <p>d) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).</p>		
15	<p>Trình tự, thủ tục sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích (Mục IV Phần III Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>1. Trình tự, thủ tục sử dụng đất kết hợp với mục đích thương mại dịch vụ</p> <p>a) Người sử dụng đất có nhu cầu sử dụng đất kết hợp đa mục đích nộp 01 hồ sơ đăng ký sử dụng đất kết hợp đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp có thẩm quyền.</p> <p>Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị sử dụng đất kết hợp đa mục đích theo Mẫu số 20 ban hành kèm theo Quyết định này. - Phương án sử dụng đất kết hợp. - Giấy chứng nhận đã cấp hoặc một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật (nếu có). <p>b) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp có thẩm quyền chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định phương án sử dụng đất kết hợp trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.</p> <p>c) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, chấp thuận hoặc không chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp.</p> <p>d) Thời gian thực hiện việc thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp không quá 15 ngày. Trước khi hết thời gian sử dụng đất kết hợp 30 ngày, người sử dụng đất nếu có nhu cầu gia hạn thì gửi văn bản đề nghị gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp với mục đích thương mại dịch vụ</p> <p>a) Người sử dụng đất có nhu cầu gia hạn gửi văn bản đề nghị gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp có thẩm quyền.</p>		

		<p>Hồ sơ gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp.</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp.</p> <p>c) Thời gian Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp là không quá 07 ngày làm việc gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.</p>		
17	<p>Trình tự, thủ tục góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai để thực hiện dự án đầu tư (<i>Mục V Phần III Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)</p>	<p>1. Các chủ sử dụng đất trong phạm vi khu vực dự kiến thực hiện góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai bàn bạc, thống nhất đồng thuận thực hiện, ký kết hợp đồng hợp tác; lựa chọn chủ đầu tư thực hiện phương án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai là người đại diện các chủ sử dụng đất hoặc liên doanh, liên kết với chủ đầu tư khác đã có tư cách pháp nhân.</p> <p>2. Chủ đầu tư lập phương án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai theo nội dung quy định tại khoản 4 Điều 219 Luật Đất đai trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 219 Luật Đất đai (thay thế, bổ sung tại điểm a khoản 4 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025). Trường hợp phải lập dự án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.</p> <p>3. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 219 Luật Đất đai phê duyệt phương án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai.</p> <p>Trường hợp tập trung đất nông nghiệp để thực hiện sản xuất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 219 Luật Đất đai thì phương án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai do Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt đối với trường hợp góp quyền sử dụng đất của cá nhân; do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đối với trường hợp góp quyền sử dụng đất có đối tượng là tổ chức tham gia.</p>		

		<p>Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được phương án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phải có văn bản phê duyệt, trường hợp không phê duyệt thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Thủ tục lập, phê duyệt dự án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với diện tích đất quy định tại điểm b khoản 5 Điều 219 Luật Đất đai. Việc đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương VI Nghị định số 102/2024/NĐ-CP. Tiền thu được từ việc đấu giá quyền sử dụng đất được sử dụng để thực hiện dự án.</p> <p>5. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chỉ đạo tiếp nhận các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, môi trường, dịch vụ công cộng để quản lý, phục vụ chung cho cộng đồng.</p> <p>6. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc ký cấp Giấy chứng nhận trên cơ sở phương án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; trao Giấy chứng nhận cho người được cấp; chuyển 01 bộ hồ sơ kèm theo 01 bản sao Giấy chứng nhận đã cấp đến Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để lập, cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.</p>		
IV		TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT		
A		TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ HỒ SƠ THỰC HIỆN THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT		

18	<p>Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết (<i>Mục I Nội dung A Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)</p>	<p>1. Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng trực tiếp tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai; tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai theo phương thức không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai và Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>2. Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã trực tiếp tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của lĩnh vực đất đai theo phương thức không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai và Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>3. Tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ</p> <p>a) Cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại khoản 1, khoản 2 Mục này kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ thì tiếp nhận và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định, nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ.</p> <p>b) Cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại khoản 1, khoản 2 Mục này kiểm tra, xác thực tài khoản định danh điện tử của tổ chức, cá nhân thông qua số định danh cá nhân của công dân và mã số của tổ chức trên Hệ</p>		
----	---	---	--	--

	<p>thông thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh thông qua việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống định danh và xác thực điện tử. Trường hợp là cá nhân chưa có tài khoản định danh điện tử thì hướng dẫn hoặc hỗ trợ tạo tài khoản định danh điện tử mức độ 1 và tiếp tục thực hiện các bước tiếp nhận hồ sơ, sau đó hướng dẫn cá nhân tạo lập tài khoản định danh điện tử mức độ 2 tại cơ quan Công an. Trường hợp là tổ chức và chưa có tài khoản định danh điện tử, thì hướng dẫn tạo lập tài khoản định danh điện tử của tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc hướng dẫn đến cơ quan Công an để tạo lập trực tiếp. Trường hợp ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính, tài khoản định danh điện tử được xác định là tài khoản định danh điện tử của tổ chức, cá nhân ủy quyền.</p> <p>c) Ngay sau khi hồ sơ được tiếp nhận, cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại khoản 1, khoản 2 Mục này số hóa hồ sơ, ký số hồ sơ theo quy định và chuyển hồ sơ điện tử về cho cơ quan chủ trì giải quyết thủ tục hành chính theo quy trình nội bộ, quy trình điện tử; đồng thời chuyển hồ sơ giấy về cho cơ quan chủ trì giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>4. Việc luân chuyển hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính từ cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại khoản 1, khoản 2 Mục này về cơ quan chủ trì giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính được thực hiện thông qua dịch vụ bưu chính công ích. Chi phí luân chuyển hồ sơ giấy từ cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại khoản 1, khoản 2 Mục này về cơ quan chủ trì giải quyết được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Chi phí trả kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính tại nhà thông qua dịch vụ bưu chính công ích do tổ chức, cá nhân trả theo bảng giá cước của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.</p>		
--	--	--	--

19	<p>Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (Mục II Nội dung A Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>1. Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>2. Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì thời gian thực hiện như sau:</p> <p>a) Trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa hoặc trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là không quá 08 ngày làm việc; trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP là không quá 10 ngày làm việc;</p> <p>b) Trường hợp người sử dụng đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm mà bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê; Trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản là không quá 10 ngày làm việc, không tính thời gian xác định giá đất, ký hợp đồng thuê đất;</p> <p>c) Trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng là không quá 05 ngày làm việc;</p> <p>d) Trường hợp xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng là không quá 03 ngày làm việc;</p> <p>đ) Trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất là không quá 05 ngày làm việc; trường hợp giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên là không quá 10 ngày làm việc;</p>	<p>1. UBND phường An Dương: Bổ sung thêm nội dung “<i>Thời gian thực hiện thủ tục hành chính có tính hay không tính thời gian thực hiện công khai niêm yết và thời gian chờ thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất</i>” vào khoản 1 mục II nội dung A của phần IV</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát, tiếp thu của Dự thảo</p>
----	---	---	--	---

		<p>e) Trường hợp có thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề là không quá 07 ngày làm việc;</p> <p>g) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là không quá 10 ngày làm việc;</p> <p>h) Trường hợp đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận là không quá 10 ngày làm việc, đối với trường hợp tài sản đã được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận đã cấp mà đăng ký thay đổi tài sản thì không quá 07 ngày làm việc;</p> <p>i) Trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc sự thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng hoặc của nhóm người sử dụng đất chung, nhóm chủ sở hữu tài sản chung gắn liền với đất là không quá 08 ngày làm việc;</p> <p>k) Trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả hòa giải thành về tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai là không quá 08 ngày làm việc;</p> <p>l) Trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là không quá 08 ngày làm việc;</p> <p>m) Trường hợp thay đổi về quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm là không quá 15 ngày làm việc;</p>		
--	--	---	--	--

		<p>n) Trường hợp bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công là không quá 10 ngày làm việc;</p> <p>o) Trường hợp xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ thì thời gian giải quyết là trong ngày làm việc nhận được đủ hồ sơ xóa nợ; nếu thời điểm nhận đủ hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể giải quyết việc xóa nợ trong ngày làm việc tiếp theo;</p> <p>p) Trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết hoặc điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP là không quá 05 ngày làm việc;</p> <p>q) Trường hợp đăng ký biến động chuyên mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 3 Điều 121 Luật Đất đai là không quá 10 ngày làm việc.</p> <p>3. Trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp thì thời gian thực hiện như sau:</p> <p>a) Trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Mục VII nội dung C Phần V Phụ lục I của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 4 Điều 16 Nghị định 49/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 31/01/2026) là không quá 05 ngày làm việc;</p> <p>b) Trường hợp quy định tại điểm h khoản 1 Mục VII nội dung C Phần V Phụ lục I của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 4 Điều 16 Nghị định 49/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 31/01/2026) là không quá 10 ngày làm việc, trừ trường hợp quy định tại điểm c Mục 3 này;</p> <p>c) Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo đạc lập bản đồ địa chính thì thời gian thực hiện theo dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>4. Trường hợp tách thửa đất, hợp thửa đất quy định tại Mục I nội dung B Phần IV và trường hợp quy định tại điểm b khoản 6 Điều 25 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (được sửa</p>	
--	--	---	--

đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 7 Điều 12 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP) là không quá 15 ngày làm việc.

5. Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đã cấp do bị mất là không quá 10 ngày làm việc, không tính thời gian niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận đã cấp tại Ủy ban nhân dân cấp xã, thời gian đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng.

6. Trường hợp đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng trong dự án bất động sản là không quá 10 ngày làm việc.

7. Trường hợp đính chính Giấy chứng nhận đã cấp là không quá 10 ngày làm việc.

9. Trường hợp thu hồi và hủy Giấy chứng nhận đã cấp là không quá 25 ngày làm việc; trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp do đăng ký biến động thì thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định đối với từng trường hợp đăng ký biến động tại Mục này.

10. Thời gian thủ tục hành chính đối với trường hợp quy định tại Mục này là không quá 15 ngày làm việc.

11. Thời gian quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Mục này được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện trích đo địa chính hoặc đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà

		<p>người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng loại thủ tục quy định tại Mục này được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p> <p>12. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Quyết định này chịu trách nhiệm giải quyết không quá thời gian quy định do cơ quan mình thực hiện, không chịu trách nhiệm về thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan khác.</p> <p>13. Trường hợp thực hiện đồng thời nhiều thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất thì thời gian giải quyết thủ tục hành chính bằng tổng thời gian giải quyết của từng thủ tục quy định tại Mục này.</p> <p>Trường hợp chủ đầu tư dự án kinh doanh bất động sản có nhu cầu thực hiện nộp cùng lúc nhiều hồ sơ đăng ký biến động đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì thời gian giải quyết thủ tục hành chính bằng tổng thời gian giải quyết đối với từng thủ tục cho từng hồ sơ quy định tại Mục này.</p>		
B	HỒ SƠ THỰC HIỆN THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT			
20	Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu (<i>Mục I Nội dung B Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)	<p>1. Đối với người đang sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư</p> <p>1.1. Hồ sơ gồm:</p> <p>a) Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 15 ban hành kèm theo quy định này.</p> <p>b) Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137, khoản 1, khoản 5 Điều 148, khoản 1, khoản 5 Điều 149 Luật Đất đai, sơ đồ nhà ở, công trình xây dựng (nếu có).</p> <p>Trường hợp thửa đất gốc có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 Luật Đất đai mà có phần diện tích đất tăng thêm đã được cấp Giấy chứng nhận thì nộp giấy tờ về việc</p>	<p>1. UBND phường An Dương: Đề nghị bỏ điểm c ở khoản 1.1 mục này do các trường hợp được xác định là di sản thừa kế mà không thực hiện phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, chỉ có văn bản cam kết là chưa đảm bảo quyền và lợi ích của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan sẽ dẫn đến tranh chấp, kiến nghị, khiếu nại</p>	Sở NNMT không tiếp thu, lý do: để đẩy mạnh công tác cấp GCN cho người dân, tăng trách nhiệm của người dân trong việc thỏa thuận theo pháp luật thừa kế, dân sự

	<p>chuyển quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận đã cấp cho phần diện tích tăng thêm;</p> <p>c) Giấy tờ về việc nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp nhận thừa kế quyền sử dụng đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật về đất đai;</p> <p>d) Giấy tờ về việc nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về dân sự và giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật Đất đai;</p> <p>đ) Giấy tờ về giao đất không đúng thẩm quyền hoặc giấy tờ về việc mua, nhận thanh lý, hóa giá, phân phối nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất theo quy định tại Điều 140 Luật Đất đai (nếu có);</p> <p>e) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với trường hợp có vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và giấy tờ chứng minh đã thực hiện quyết định xử phạt;</p> <p>g) Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền đối với thửa đất liền kề kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế đối với trường hợp có đăng ký quyền đối với thửa đất liền kề;</p> <p>h) Văn bản xác định các thành viên có chung quyền sử dụng đất của hộ gia đình đang sử dụng đất đối với trường hợp hộ gia đình đang sử dụng đất;</p> <p>i) Mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất (nếu có);</p> <p>k) Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc đã có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất nông nghiệp mà chủ sở hữu công trình không có một trong</p>		
--	--	--	--

	<p>các loại giấy tờ quy định tại Điều 149 Luật Đất đai hoặc công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;</p> <p>l) Trường hợp quy định tại điểm a khoản 6 Điều 25 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP thì nộp Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và giấy tờ chứng minh đã thực hiện quyết định xử phạt;</p> <p>m) Chứng từ đã thực hiện nghĩa vụ tài chính, giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có);</p> <p>n) Trường hợp nhận chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng mà chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định của pháp luật thì nộp giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất có chữ ký của bên chuyển quyền và bên nhận chuyển quyền;</p> <p>o) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với nhà ở, công trình xây dựng thuộc trường hợp phải xin phép xây dựng quy định tại khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 149 Luật Đất đai thì nộp giấy xác nhận của cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 về đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng đó theo quy định của pháp luật về xây dựng (nếu có).</p> <p>“c) Văn bản cam kết của người nhận thừa kế hoặc văn bản thỏa thuận của những người nhận thừa kế đối với trường hợp nhận thừa kế quyền sử dụng đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>Văn bản cam kết của người nhận thừa kế hoặc văn bản thỏa thuận của những người nhận thừa kế không phải thực hiện công chứng, chứng thực, trừ trường hợp có nhu cầu. Người nhận thừa kế hoặc những người nhận thừa kế chịu trách nhiệm</p>		
--	--	--	--

	<p>trước pháp luật về nội dung cam kết, thỏa thuận;</p> <p>1.2. Trường hợp có nhiều người chung quyền sử dụng đất, chung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất có thỏa thuận cấp chung một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, ngoài các giấy tờ quy định tại Mục 1.1 Phần I này thì nộp thêm văn bản thỏa thuận đó.</p> <p>1.3. Trường hợp người yêu cầu đăng ký quy định tại các Mục 1.1 Phần này thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật về dân sự thì phải có văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>2. Đối với người đang sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức), người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 28 Luật Đất đai:</p> <p>2.1. Hồ sơ nộp gồm:</p> <p>a) Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137, khoản 4, khoản 5 Điều 148, khoản 4, khoản 5 Điều 149 của Luật Đất đai (nếu có).</p> <p>Trường hợp chủ đầu tư xây dựng nhà ở để kinh doanh quy định tại khoản 4 Điều 148 của Luật Đất đai hoặc chủ đầu tư tạo lập công trình xây dựng quy định tại khoản 4 Điều 149 của Luật Đất đai đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng thì phải có quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư dự án hoặc giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép xây dựng hoặc giấy tờ khác theo quy định của pháp luật; văn bản về việc nhà ở, công trình xây dựng đã được nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng theo quy</p>		
--	--	--	--

	<p>định của pháp luật về xây dựng; sơ đồ tài sản đề nghị chứng nhận quyền sở hữu.</p> <p>Đối với công trình xây dựng không phải là nhà ở thì phải có thêm giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc hợp đồng thuê đất với người sử dụng đất có mục đích sử dụng đất phù hợp với mục đích xây dựng công trình;”.</p> <p>c) Giấy tờ về việc nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về dân sự đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài;</p> <p>d) Sơ đồ hoặc bản trích lục bản đồ địa chính hoặc mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất (nếu có); mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất (nếu có) đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài;</p> <p>đ) Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất theo Mẫu số 15d ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc đang sử dụng đất;</p> <p>e) Quyết định vị trí đóng quân hoặc văn bản giao cơ sở nhà đất hoặc địa điểm công trình quốc phòng, an ninh được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho đơn vị quân đội, đơn vị công an, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; doanh nghiệp nhà nước do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được giao quản lý, sử dụng đất, công trình gắn liền với đất;</p> <p>g) Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc đã có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất nông nghiệp mà chủ sở hữu công trình không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 149 Luật Đất đai hoặc công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;</p>		
--	--	--	--

		<p>h) Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính, giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có).</p> <p>2.2. Trường hợp có nhiều người chung quyền sử dụng đất, chung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất có thỏa thuận cấp chung một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, ngoài các giấy tờ quy định tại Mục 2.1 Phần I này thì nộp thêm văn bản thỏa thuận đó.</p> <p>2.3. Trường hợp người yêu cầu đăng ký quy định tại các Mục 2.1 Phần này thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật về dân sự thì phải có văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự.</p>		
21	Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà không thuộc trường hợp quy định tại các Mục I, II, IV, V, VI, VII, VIII và IX nội dung C Phần IV (Mục II.1 Nội dung B Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định)	<p>1. Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo Quyết định này.</p> <p>2. Giấy chứng nhận đã cấp, trừ trường hợp thực hiện quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã có hiệu lực thi hành hoặc trường hợp đấu giá, giao quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của Tòa án, cơ quan thi hành án mà không thu hồi được Giấy chứng nhận đã cấp.</p> <p>3. Một trong các loại giấy tờ liên quan đến nội dung biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với từng trường hợp cụ thể theo quy định tại Mục III.2 dưới đây.</p> <p>4. Văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện.</p>		

22	<p>Các loại giấy tờ liên quan đến nội dung biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (Mục II.2 Nội dung B Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>1. Trường hợp thực hiện thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa hoặc trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì nộp hợp đồng hoặc văn bản về việc chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p> <p>Trường hợp có nhiều người nhận chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà có thỏa thuận cấp chung một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì nộp thêm văn bản thỏa thuận đó.</p> <p>Trường hợp chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu tài sản không có quyền sử dụng đất đối với thửa đất đó thì nộp thêm văn bản của người sử dụng đất đồng ý cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở.</p> <p>Trường hợp chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đang được thế chấp và đã đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thì nộp thêm văn bản của bên nhận thế chấp về việc đồng ý cho bên thế chấp được chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p> <p>2. Trường hợp người sử dụng đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm mà bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê thì nộp hợp đồng hoặc văn bản về giao dịch đó theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>Trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản thì nộp</p>		
----	---	---	--	--

	<p>văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc cho phép chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>3. Trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng thì nộp văn bản về việc cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất.</p> <p>4. Trường hợp xóa cho thuê, xóa cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng thì nộp văn bản về việc xóa cho thuê, xóa cho thuê lại quyền sử dụng đất.</p> <p>5. Trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trên Giấy chứng nhận đã cấp thì việc nộp giấy tờ như sau:</p> <p>a) Đối với cá nhân thì cơ quan giải quyết thủ tục khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nếu không khai thác được thông tin về cá nhân thì nộp bản sao hoặc xuất trình bản chính giấy tờ chứng minh về việc đổi tên, thay đổi thông tin của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất;</p> <p>b) Đối với tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cộng đồng dân cư thì nộp văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận việc đổi tên hoặc thay đổi thông tin theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Trường hợp có thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề thì nộp văn bản về việc thay đổi quyền của người có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật dân sự; trường hợp có thay đổi hạn chế quyền của người sử dụng đất theo văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Văn phòng đăng ký đất đai căn cứ văn bản này để đăng ký biến động đất đai.</p> <p>7. Trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì nộp</p>		
--	---	--	--

		<p>văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật đối với trường hợp quyền sử dụng đất của hộ gia đình.</p> <p>Cơ quan giải quyết thủ tục có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin về đăng ký doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, nếu không thể khai thác được thông tin này thì người yêu cầu đăng ký nộp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>8. Trường hợp giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản về tình trạng sạt lở tự nhiên để chuyển cho Văn phòng đăng ký đất đai và người sử dụng đất.</p> <p>9. Trường hợp đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký thì nộp giấy tờ như sau:</p> <p>a) Nộp giấy tờ theo quy định tại các Điều 148, Điều 149 Luật Đất đai (nếu có), sơ đồ nhà ở, công trình xây dựng (trừ trường hợp trong giấy tờ quy định tại các Điều 148, Điều 149 Luật Đất đai đã có sơ đồ phù hợp với hiện trạng nhà ở, công trình đã xây dựng); hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc đã có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất nông nghiệp mà chủ sở hữu công trình không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 149 Luật Đất đai hoặc công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p> <p>Trường hợp chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở, công trình xây dựng đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật mà có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng, phần diện tích</p>		
--	--	--	--	--

	<p>của hạng mục công trình xây dựng thì nộp một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137, khoản 4, khoản 5 Điều 148, khoản 4, khoản 5 Điều 149 Luật Đất đai (nếu có);</p> <p>b) Trường hợp đăng ký biến động do gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở thì nộp văn bản chấp thuận gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về nhà ở.</p> <p>10. Trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp thì nộp quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc văn bản về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật, trong đó phải xác định rõ tổ chức được sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.</p> <p>Cơ quan giải quyết thủ tục có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin về đăng ký doanh nghiệp hoặc thành lập tổ chức sau khi thay đổi trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, nếu không thể khai thác được thông tin này thì người yêu cầu đăng ký nộp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản về việc thành lập tổ chức sau khi thay đổi.</p> <p>11. Trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng thì nộp văn bản thỏa thuận về việc thay đổi đó.</p> <p>Trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất của các thành viên có chung quyền sử dụng đất của hộ gia đình thì văn bản thỏa thuận phải thể hiện thông tin thành viên của hộ gia đình có chung quyền sử dụng đất tại thời điểm được Nhà nước giao đất,</p>		
--	---	--	--

	<p>cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất.</p> <p>Trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ và chồng thì cơ quan giải quyết thủ tục có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin về tình trạng hôn nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nếu không thể khai thác được thông tin về tình trạng hôn nhân thì nộp bản sao hoặc xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn hoặc ly hôn hoặc giấy tờ khác chứng minh về tình trạng hôn nhân.</p> <p>12. Trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai thì nộp một trong các văn bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Biên bản hòa giải thành hoặc văn bản công nhận kết quả hòa giải thành được cơ quan có thẩm quyền công nhận;b) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai đã có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật;c) Quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định về thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành;d) Quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai. <p>13. Trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thì nộp một trong các văn bản sau:</p>	
--	---	--

		<p>a) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất giữa người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất với người nhận chuyển nhượng;</p> <p>b) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc hợp đồng chuyển giao khác về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất giữa người có quyền chuyển nhượng, bán tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất với người nhận chuyển nhượng;</p> <p>c) Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc văn bản xác nhận kết quả thi hành án của Cơ quan thi hành án dân sự;</p> <p>d) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc văn bản khác có thỏa thuận về việc bên nhận thế chấp có quyền được nhận chính tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Một trong các văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản này là căn cứ để thay thế việc đồng ý chuyển giao quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của bên thế chấp.</p> <p>14. Trường hợp có sự thay đổi về quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm thì nộp văn bản về việc cho phép thay đổi của cơ quan, người có thẩm quyền.</p> <p>15. Trường hợp bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì nộp giấy tờ như sau:</p> <p>a) Văn bản cho phép bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>b) Trường hợp bán tài sản, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công thì ngoài văn bản quy định tại điểm a khoản này phải nộp thêm hợp đồng mua bán tài sản công là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.</p>		
--	--	--	--	--

		<p>16. Trường hợp thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận có diện tích tăng thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP thì nộp giấy tờ về việc nhận chuyển quyền sử dụng đất của phần diện tích tăng thêm.</p> <p>17. Trường hợp xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ thì nộp giấy tờ chứng minh đã hoàn thành việc thanh toán nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.</p> <p>18. Trường hợp điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP thì nộp quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết của cơ quan có thẩm quyền kèm theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết và bản đồ địa chính hoặc mảnh trích đo bản đồ địa chính; trường hợp phải xác định lại giá đất thì nộp thêm giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai.</p> <p>Trường hợp chủ đầu tư dự án đã được cấp Giấy chứng nhận cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án mà có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết thì nộp quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết của cơ quan có thẩm quyền kèm theo bản đồ quy hoạch xây dựng chi tiết và bản đồ địa chính hoặc mảnh trích đo bản đồ địa chính.</p> <p>19. Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp cho hộ gia đình mà thực hiện quyền của người sử dụng đất thì trong hợp đồng, văn bản chuyển quyền sử dụng đất phải thể hiện thông tin thành viên của hộ gia đình có chung quyền sử dụng đất tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất.</p> <p>20. Các trường hợp đăng ký biến động đất đai quy định tại Mục này mà phải tách thửa đất, hợp thửa đất thì người sử dụng</p>		
--	--	---	--	--

		<p>đất nộp Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất theo Mẫu số 28 ban hành kèm theo Quyết định này.</p> <p>21. Các trường hợp đăng ký biến động quy định tại Mục này, trừ khoản 18 Mục này mà người sử dụng đất có nhu cầu đo đạc để xác định lại kích thước các cạnh, diện tích của thửa đất thì nộp mảnh trích đo hoặc phiếu đo đạc chính lý bản đồ địa chính thửa đất.</p> <p>22. Trường hợp quy định tại điểm b khoản 6 Điều 25 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 7 Điều 12 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP) thì nộp Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và giấy tờ chứng minh đã thực hiện quyết định xử phạt.</p>		
C	TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT			
23	<p>Trình tự, thủ tục tách thửa đất, hợp thửa đất (<i>Mục I Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)</p>	<p>1. Người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 1 Mục I nội dung A Phần IV, hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị tách thửa đất, hợp thửa đất theo Mẫu số 27 ban hành kèm theo Quyết định này;</p> <p>b) Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất lập theo Mẫu số 28 ban hành kèm theo Quyết định này do Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện hoặc do đơn vị đo đạc có Giấy phép về hoạt động đo đạc, thành lập bản đồ địa chính thực hiện;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đã cấp hoặc bản sao Giấy chứng nhận đã cấp kèm bản gốc để đối chiếu hoặc nộp bản sao có công chứng, chứng thực;</p> <p>d) Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền có thể hiện nội dung tách thửa đất, hợp thửa đất (nếu có).</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.</p> <p>Chuyên hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.</p>		

		<p>3. Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra hồ sơ, đối chiếu quy định tại Điều 220 Luật Đất đai, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 để xác định điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và thực hiện:</p> <p>a) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, trả hồ sơ cho người sử dụng đất và thông báo rõ lý do;</p> <p>b) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và đã có bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất thì thực hiện công việc quy định tại khoản 4 Mục này;</p> <p>c) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và chưa có bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất thì lập bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất và thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 4 Mục này;</p> <p>4. Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện:</p> <p>a) Đối với trường hợp diện tích, kích thước thể hiện trên bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất phù hợp với Giấy chứng nhận đã cấp hoặc không phù hợp nhưng nằm trong giới hạn sai diện tích, sai số tương hỗ giữa 02 đỉnh thửa đất và đất không có tranh chấp:</p> <p>Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ghi số thứ tự thửa đất chính thức của các thửa đất sau khi tách thửa đất, hợp thửa đất vào bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất, đồng thời ký xác nhận vào bản vẽ này, trừ trường hợp bản vẽ do Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện; trả bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất cho người sử dụng đất trong trường hợp người sử dụng đất thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đối với các thửa đất sau khi tách thửa đất, hợp thửa đất, Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất</p>		
--	--	---	--	--

	<p>đai, tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Mục III, Mục IX nội dung C Phần IV và không tính vào thời gian quy định tại khoản này.</p> <p>Trường hợp tách thửa đất, hợp thửa đất mà không thay đổi người sử dụng đất thì thực hiện việc cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất sau khi tách thửa đất, hợp thửa đất cho người được cấp;</p> <p>b) Đối với trường hợp không thuộc điểm a khoản này: Trường hợp thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của cơ quan mình thì thông báo cho người sử dụng đất thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định. Trường hợp không thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của cơ quan mình thì trả hồ sơ và thông báo rõ lý do cho người sử dụng đất để thực hiện đăng ký biến động đất đai;</p> <p>c) Thông tin chính thức của các thửa đất sau tách thửa, hợp thửa chỉ được xác lập và chỉnh lý vào bản đồ địa chính sau khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký biến động và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho thửa đất sau tách thửa đất, hợp thửa đất.</p> <p>5. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận và được ghi nợ tiền sử dụng đất mà thực hiện phân chia thừa kế quyền sử dụng đất dẫn đến tách thửa đất thì những người nhận thừa kế phải có văn bản thỏa thuận xác định cụ thể số tiền sử dụng đất còn nợ theo thửa đất sau khi tách thửa đất. Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ghi số tiền sử dụng đất còn nợ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo văn bản đã thỏa thuận.</p>	
--	---	--

24	<p>Trình tự, thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được giao đất để quản lý (Mục II Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>1. Hồ sơ đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp đất được giao quản lý quy định tại Điều 217 Luật Đất đai như sau:</p> <p>a) Người được giao quản lý đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 7 Luật Đất đai thì hồ sơ gồm Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 21 ban hành kèm theo Quyết định này và báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất theo Mẫu số 21đ ban hành kèm theo Quyết định này.</p> <p>Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Đất đai nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 1 Mục I nội dung A Phần IV hoặc Văn phòng đăng ký đất đai; trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 1 Mục I nội dung A Phần IV tiếp nhận hồ sơ thì chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>Trường hợp người được giao quản lý đất quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Luật Đất đai thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo cơ quan có chức năng quản lý đất đai cùng cấp chuẩn bị 01 bộ hồ sơ và chuyển đến Văn phòng đăng ký đất đai;</p> <p>b) Người được giao quản lý đất quy định tại khoản 4 Điều 7 Luật Đất đai thì nộp Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 21 ban hành kèm theo Quyết định này đến Văn phòng đăng ký đất đai.</p> <p>2. Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc lập, cập nhật, chỉnh lý biên động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.</p>		
25	<p>Trình tự, thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền</p>	<p>Trình tự, thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp quy định tại các Mục I, II, IV, V, VI, VII, VIII và IX nội dung C này thực hiện như sau:</p> <p>1. Người yêu cầu đăng ký nộp 01 bộ hồ sơ gồm các giấy tờ quy định tại Mục II.1 nội dung A Phần IV.</p> <p>Trường hợp xử lý tài sản thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất không theo thỏa thuận; kê biên</p>		

<p>với đất (Mục III Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án theo quy định của pháp luật thì việc nộp hồ sơ do tổ chức thực hiện việc xử lý quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc do người nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện:</p> <p>a) Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.</p> <p>Trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định.</p> <p>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả và Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;</p> <p>b) Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là cơ quan theo quy định tại khoản 1 Mục I nội dung A Phần IV thì chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.</p> <p>3. Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc sau:</p> <p>a) Kiểm tra các điều kiện thực hiện quyền theo quy định của Luật Đất đai đối với trường hợp thực hiện quyền của người sử dụng đất, của chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; trường hợp không đủ điều kiện thực hiện quyền theo quy định của Luật Đất đai thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thông báo lý do và trả hồ sơ cho người yêu cầu đăng ký;</p> <p>b) Thực hiện các công việc quy định tại điểm b khoản 3 Mục VI nội dung C Phần V Phụ lục I của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP;</p> <p>c) Gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Quyết định</p>		
--	---	--	--

		<p>này đến cơ quan thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Chính lý, cập nhật biên động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính; chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Mục I nội dung A Phần IV để trao cho người được cấp.</p> <p>Đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc quy định tại điểm này sau khi nhận được thông báo của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính.</p> <p>4. Trường hợp quy định tại khoản 1 Mục II.2 nội dung B Phần IV thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện công việc quy định tại khoản 3 Mục III này.</p> <p>5. Trường hợp quy định tại khoản 2 Mục II.2 nội dung A Phần IV thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện như sau:</p> <p>a) Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện công việc quy định tại các điểm a và b khoản 3 Mục này; trình hồ sơ đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh đối với tổ chức, chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất đối với cá nhân để ký hợp đồng thuê đất;</p> <p>b) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký hợp đồng thuê đất theo thẩm quyền đối với bên nhận chuyển quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuê, bên nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản mà</p>		
--	--	---	--	--

	<p>không phải ban hành lại quyết định cho thuê đất; chuyển hợp đồng thuê đất đến Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai;</p> <p>c) Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện công việc quy định tại các điểm c và d khoản 3 Mục này, trong đó Giấy chứng nhận được trao cùng hợp đồng thuê đất; đồng thời thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế về việc hết hiệu lực của hợp đồng thuê đất đối với bên chuyển quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, bên chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>Trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản thì Văn phòng đăng ký đất đai thể hiện thông tin biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trong hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất như trường hợp chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.”.</p> <p>6. Trường hợp quy định tại khoản 3 Mục II.2 nội dung B Phần IV thì Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc như sau:</p> <p>a) Thực hiện công việc quy định tại khoản 3 Mục III này;</p> <p>b) Xác nhận cho thuê, cho thuê lại vào Giấy chứng nhận đã cấp của chủ đầu tư dự án.</p> <p>7. Trường hợp quy định tại khoản 4 Mục II.2 nội dung B Phần IV thì Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc như sau:</p> <p>a) Xác nhận xóa cho thuê, cho thuê lại vào Giấy chứng nhận đã cấp của chủ đầu tư dự án và chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Mục I nội dung B Phần IV để trả cho chủ đầu tư dự án;</p> <p>b) Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp của bên thuê, bên thuê lại đất;</p>		
--	---	--	--

		<p>c) Chính lý, cập nhật biên động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.</p> <p>8. Các trường hợp quy định tại khoản 5 và khoản 6 Mục II.2 nội dung B Phần IV thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện công việc quy định tại điểm b và điểm d khoản 3 Mục này.</p> <p>9. Trường hợp quy định tại khoản 7 Mục II.2 nội dung A Phần IV thì Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện công việc quy định tại điểm b và điểm d khoản 3 Mục này.</p> <p>Khi doanh nghiệp tư nhân chấm dứt hoạt động mà quyền sử dụng đất không bị xử lý theo quy định của pháp luật thì Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện công việc quy định tại điểm d khoản 3 Mục III này.</p> <p>10. Trường hợp quy định tại khoản 8 Mục III.2 nội dung B Phần IV thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm đo đạc, xác định lại diện tích thửa đất bằng kinh phí của Nhà nước và thực hiện công việc quy định tại điểm d khoản 3 Mục này.</p> <p>11. Trường hợp quy định tại khoản 9 Mục II.2 nội dung B Phần IV thì thực hiện như sau:</p> <p>a) Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc quy định tại các điểm b, c và d khoản 3 Mục này, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 11 này;</p> <p>Trường hợp có giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 148, điểm a khoản 1 Điều 149 Luật Đất đai nhưng hiện trạng tài sản có thay đổi so với giấy tờ đó và thuộc khu vực phải xin phép xây dựng thì không thực hiện việc xác nhận đủ điều kiện tồn tại công trình xây dựng, việc đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng do chủ sở hữu công trình chịu trách nhiệm;</p> <p>b) Trường hợp đăng ký biến động do gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở thì Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện công việc quy định tại điểm d khoản 3 Mục này.</p>		
--	--	--	--	--

		<p>12. Trường hợp quy định tại khoản 10 Mục II.2 nội dung B Phần IV thì Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện công việc quy định tại điểm b, c và d khoản 3 Mục này.</p> <p>13. Các trường hợp quy định tại các khoản 11, 12, 13, 14 và 15 Mục II.2 nội dung B Phần IV thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc quy định tại khoản 3 Mục này; trường hợp nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm thì thực hiện theo quy định tại khoản 5 Mục III này.</p> <p>14. Trường hợp quy định tại khoản 16 Mục II.2 nội dung B Phần IV thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Thông báo bằng văn bản cho bên chuyển quyền và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất về việc làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển quyền. Trường hợp không rõ địa chỉ của người chuyển quyền để thông báo thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, chi phí đăng tin do người đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trả.- Sau thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo hoặc đăng tin lần đầu tiên trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương mà không có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện công việc tại khoản 3 Mục này. <p>Trường hợp có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hướng dẫn các bên nộp đơn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định;</p> <p>15. Trường hợp quy định tại khoản 17 Mục II.2 nội dung B Phần IV thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng</p>		
--	--	---	--	--

	<p>đăng ký đất đai thực hiện công việc quy định tại điểm d khoản 3 Mục III này.</p> <p>16. Trường hợp quy định tại khoản 18 Mục II.2 nội dung B Phần IV thì Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện công việc quy định tại các điểm b, c và d khoản 3 Mục này.</p> <p>17. Đăng ký biến động theo quy định tại khoản 1 Mục II.2 nội dung B Phần IV đối với người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thành viên của nhóm người sử dụng đất thực hiện quyền đối với một phần thửa đất mà không tách thửa hoặc một phần quyền sử dụng đất thì Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện công việc quy định tại khoản 3 Mục này.</p> <p>19. Trường hợp quy định tại khoản 22 Mục II.2 nội dung B Phần IV thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp xã hoặc một trong các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn và thực hiện các điểm b, c và d khoản 3 Mục này.</p> <p>20. Trường hợp đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 3 Điều 121 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện công việc quy định tại các điểm b, c và d khoản 3 Mục này.</p> <p>21. Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có nhu cầu đăng ký biến động thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất do sắp xếp đơn vị hành chính hoặc do văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai sử dụng thông tin từ văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi để giải quyết thủ tục và thực hiện các công việc quy định tại điểm d khoản 3 Mục này.</p>		
--	--	--	--

26	<p>Trình tự, thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định tại khoản 1 Mục VII nội dung C Phần V Phụ lục I của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Điểm a Khoản 4 Điều 16 Nghị định 49/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 31/01/2026) (<i>Mục IV Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)</p>	<p>1. Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp:</p> <p>a) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo Quyết định này và Giấy chứng nhận đã cấp.</p> <p>Đối với trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Mục VII nội dung C Phần V Phụ lục I của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP này thì trong Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo Quyết định này phải thể hiện thông tin các thành viên có chung quyền sử dụng đất của hộ gia đình;</p> <p>b) Mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất đối với trường hợp trích đo bản đồ địa chính hoặc Phiếu đo đạc chính lý thửa đất đối với trường hợp đo đạc chính lý bản đồ địa chính quy định tại điểm h khoản 1 Mục VII nội dung C Phần V Phụ lục I của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP và các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Mục VII nội dung C Phần V Phụ lục I của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP này mà người sử dụng đất có nhu cầu đo đạc để xác định lại kích thước các cạnh, diện tích của thửa đất.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp:</p> <p>a) Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 Mục IV này đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Mục I nội dung A Phần IV;</p> <p>b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. <p>Trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định.</p> <p>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả và Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị</p>		
----	--	--	--	--

	<p>định của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>- Chuyên hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.</p> <p>4. Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện:</p> <p>a) Khai thác, sử dụng thông tin về tình trạng hôn nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Mục VII nội dung C Phần V Phụ lục I của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.</p> <p>Trường hợp không khai thác được thông tin về tình trạng hôn nhân thì người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp bản sao giấy đăng ký kết hôn hoặc giấy tờ khác về tình trạng hôn nhân;</p> <p>b) Trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Mục VII nội dung C Phần V Phụ lục I của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP thì thực hiện kiểm tra thực địa và đối chiếu với hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đã cấp để xác định đúng vị trí thửa đất;</p> <p>c) Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp chưa sử dụng bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất và trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Mục VII nội dung C Phần V Phụ lục I của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Mục VI nội dung C Phần V Phụ lục I của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP;</p> <p>d) Gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Quyết định này đến cơ quan thuế để xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính;</p> <p>đ) Chinh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đến cơ quan</p>		
--	--	--	--

		<p>tiếp nhận hồ sơ theo quy định khoản 1 Mục I nội dung A Phần IV để trao cho người được cấp.</p> <p>Trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp do đo đạc lập bản đồ địa chính mà bên nhận thế chấp đang giữ Giấy chứng nhận đã cấp thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thông báo danh sách các trường hợp làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho bên nhận thế chấp; xác nhận việc đăng ký thế chấp vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp. Việc trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được thực hiện đồng thời giữa ba bên gồm Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và bên nhận thế chấp; người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất ký, nhận Giấy chứng nhận mới từ Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để trao cho bên nhận thế chấp; bên nhận thế chấp có trách nhiệm nộp Giấy chứng nhận cũ đang thế chấp cho Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để quản lý.</p>		
27	<p>Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu bị mất (<i>Mục V Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)</p>	<p>1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định khoản 1 Mục I nội dung A Phần IV.</p> <p>a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. <p>Trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định.</p> <p>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả và Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.</p>		

		<p>- Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>b) Thành phần hồ sơ gồm:</p> <p>- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo Quyết định này;</p> <p>- Bản trích đo bản đồ địa chính thửa đất hoặc Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất đối với trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu đo đạc để xác định lại kích thước các cạnh, diện tích của thửa đất.</p> <p>2. Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp bị mất do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất:</p> <p>2.1 Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc sau</p> <p>a) Kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đã cấp mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất khai báo bị mất trong hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;</p> <p>b) Trường hợp phát hiện thửa đất, tài sản gắn liền với đất được cấp Giấy chứng nhận đã được chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc đang thế chấp tại các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế khác hoặc cá nhân theo quy định của pháp luật thì thông báo, trả lại hồ sơ cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất;</p> <p>c) Trường hợp không thuộc quy định tại điểm b khoản 2 này thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển thông tin đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất để thực hiện nội dung quy định tại khoản 3 Mục này đối với hộ gia đình, cá nhân; thực hiện đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương trong thời gian 15 ngày về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp đối với tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, chi phí đăng tin do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chi trả;</p> <p>d) Thực hiện việc hủy Giấy chứng nhận đã cấp; cập nhật, chỉnh lý biên động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai sau</p>		
--	--	--	--	--

	<p>khi đã thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Mục này; cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người được cấp.</p> <p>Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp chưa sử dụng bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Mục VI nội dung C Phần V Phụ lục I của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.</p> <p>2.2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:</p> <p>a) Niêm yết công khai về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và điểm dân cư nơi có đất trong thời gian 15 ngày; đồng thời tiếp nhận phản ánh trong thời gian niêm yết công khai về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <p>b) Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian niêm yết, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập biên bản kết thúc niêm yết và gửi đến Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.</p> <p>2.3. Trường hợp Trang bổ sung của Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định của pháp luật đất đai trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành bị mất thì người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo Quyết định này và bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp. Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra thông tin của Trang bổ sung trong hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất với các thông tin cập nhật của Giấy chứng nhận đã cấp và thông tin trên Trang bổ sung.</p> <p>3. Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu bị mất.</p> <p>3.1. Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc sau:</p>		
--	---	--	--

		<p>- Kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đã cấp mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất khai báo bị mất trong hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;</p> <p>- Trường hợp phát hiện thửa đất, tài sản gắn liền với đất được cấp Giấy chứng nhận đã được chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc đang thế chấp tại các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế khác hoặc cá nhân theo quy định của pháp luật thì thông báo, trả lại hồ sơ cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất;</p> <p>- Trường hợp không phát hiện thửa đất, tài sản gắn liền với đất được cấp Giấy chứng nhận đã được chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc đang thế chấp tại các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế khác hoặc cá nhân theo quy định của pháp luật thì Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai theo thẩm quyền thực hiện:</p> <p>+ Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển thông tin đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất để thực hiện nội dung sau:</p> <p>++ Niêm yết công khai về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và điểm dân cư nơi có đất trong thời gian 15 ngày; đồng thời tiếp nhận phản ánh trong thời gian niêm yết công khai về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <p>++ Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian niêm yết, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập biên bản kết thúc niêm yết.</p> <p>+ Đối với Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao và tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài thì Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương trong thời gian 15 ngày về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp, chi phí đăng tin do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất</p>		
--	--	--	--	--

	<p>chi trả; lập biên bản kết thúc niêm yết, chuyển hồ sơ về cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh.</p> <p>- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc hủy Giấy chứng nhận đã cấp đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam; cấp lại Giấy chứng nhận cho người được cấp; chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.</p> <p>- Cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh thực hiện việc hủy Giấy chứng nhận đã cấp đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao và tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài; cấp lại Giấy chứng nhận cho người được cấp; chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.</p> <p>- Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp chưa sử dụng bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất thì thực hiện như sau:</p> <p>+ Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai theo thẩm quyền thực hiện việc trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất đối với nơi chưa có bản đồ địa chính hoặc chỉ có bản đồ địa chính dạng giấy đã rách nát, hư hỏng không thể khôi phục và không thể sử dụng để số hoá.</p> <p>+ Người sử dụng đất được công nhận theo kết quả trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính và phải trả chi phí đo đạc theo quy định; trường hợp đo đạc lại mà diện tích thửa đất lớn hơn diện tích trên Giấy chứng nhận đã cấp, ranh giới thửa đất không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận thì người sử dụng đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất ở tăng thêm nằm ngoài hạn mức đất ở, tiền thuê đất đối với phần diện tích tăng thêm theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận trước đây.</p>		
--	---	--	--

28	<p>Trình tự, thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông (<i>Mục VI Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)</p>	<p>1. Trường hợp thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận thì thực hiện như sau:</p> <p>a) Người sử dụng đất nộp văn bản tặng cho quyền sử dụng đất hoặc biên bản họp giữa đại diện thôn, ấp, làng, bản, buôn, bom, phum, sóc, tổ dân phố, điểm dân cư với người sử dụng đất về việc tặng cho quyền sử dụng đất và bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất.</p> <p>Trường hợp có biên bản họp giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với người sử dụng đất về việc tặng cho quyền sử dụng đất thì người sử dụng đất chỉ nộp bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất;</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển văn bản về việc tặng cho quyền sử dụng đất quy định tại điểm a khoản 1 Mục VI này kèm theo Giấy chứng nhận đã cấp đến Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai;</p> <p>c) Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính; cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho một phần diện tích thửa đất.</p> <p>Trường hợp người sử dụng đất tặng cho toàn bộ diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận thì thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp để quản lý;</p> <p>d) Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển Giấy chứng nhận tới Ủy ban nhân dân cấp xã để trao cho người được cấp.</p> <p>2. Trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận thì thực hiện như sau:</p> <p>a) Người sử dụng đất nộp văn bản tặng cho quyền sử dụng đất hoặc biên bản họp giữa đại diện thôn, ấp, làng, bản, buôn, bom, phum, sóc, tổ dân phố, điểm dân cư với người sử dụng đất về việc</p>		
----	---	---	--	--

		<p>tặng cho quyền sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất.</p> <p>Trường hợp có biên bản họp giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với người sử dụng đất về việc tặng cho quyền sử dụng đất thì người sử dụng đất không phải nộp giấy tờ quy định tại điểm này;</p> <p>b) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện đo đạc chính lý bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất;</p> <p>c) Phần diện tích còn lại của thửa đất (nếu có) thì người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo quy định, trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu theo quy định.</p>		
29	<p>Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu bị mất (<i>Mục V Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)</p>	<p>1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định khoản 1 Mục I nội dung A Phần IV.</p> <p>a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. <p>Trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định.</p> <p>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả và Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai <p>b) Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo Quyết định này; 		

		<p>- Mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất hoặc Phiếu đo đạc chính lý thửa đất đối với trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu đo đạc để xác định lại kích thước các cạnh, diện tích của thửa đất.</p> <p>2. Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp bị mất do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất:</p> <p>2.1 Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc sau</p> <p>a) Kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đã cấp mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất khai báo bị mất trong hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;</p> <p>b) Trường hợp phát hiện thửa đất, tài sản gắn liền với đất được cấp Giấy chứng nhận đã được chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc đang thế chấp tại các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế khác hoặc cá nhân theo quy định của pháp luật thì thông báo, trả lại hồ sơ cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất;</p> <p>c) Trường hợp không thuộc quy định tại điểm b khoản 2 này thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển thông tin đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất để thực hiện nội dung quy định tại khoản 3 Mục này đối với hộ gia đình, cá nhân; thực hiện đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương trong thời gian 15 ngày về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp đối với tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, chi phí đăng tin do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chi trả;</p> <p>d) Thực hiện việc hủy Giấy chứng nhận đã cấp; cập nhật, chỉnh lý biên động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai sau khi đã thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Mục này; cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người được cấp.</p>		
--	--	--	--	--

		<p>Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp chưa sử dụng bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Mục VI nội dung C Phần V Phụ lục I của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.</p> <p>2.2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:</p> <p>a) Niêm yết công khai về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và điểm dân cư nơi có đất trong thời gian 15 ngày; đồng thời tiếp nhận phản ánh trong thời gian niêm yết công khai về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <p>b) Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian niêm yết, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập biên bản kết thúc niêm yết và gửi đến Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.</p> <p>2.3. Trường hợp Trang bổ sung của Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định của pháp luật đất đai trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành bị mất thì người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo Quyết định này và bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp. Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra thông tin của Trang bổ sung trong hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất với các thông tin cập nhật của Giấy chứng nhận đã cấp và thông tin trên Trang bổ sung.</p> <p>3. Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu bị mất.</p> <p>3.1. Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc sau:</p> <p>- Kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đã cấp mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất khai báo bị mất trong hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;</p>		
--	--	--	--	--

		<p>- Trường hợp phát hiện thửa đất, tài sản gắn liền với đất được cấp Giấy chứng nhận đã được chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc đang thế chấp tại các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế khác hoặc cá nhân theo quy định của pháp luật thì thông báo, trả lại hồ sơ cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất;</p> <p>- Trường hợp không phát hiện thửa đất, tài sản gắn liền với đất được cấp Giấy chứng nhận đã được chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc đang thế chấp tại các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế khác hoặc cá nhân theo quy định của pháp luật thì Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai theo thẩm quyền thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyên thông tin đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất để thực hiện nội dung sau:<ul style="list-style-type: none">++ Niêm yết công khai về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và điểm dân cư nơi có đất trong thời gian 15 ngày; đồng thời tiếp nhận phản ánh trong thời gian niêm yết công khai về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp;++ Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian niêm yết, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập biên bản kết thúc niêm yết.+ Đối với Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao và tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài thì Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương trong thời gian 15 ngày về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp, chi phí đăng tin do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chi trả; lập biên bản kết thúc niêm yết, chuyển hồ sơ về cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh.		
--	--	--	--	--

		<p>- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc hủy Giấy chứng nhận đã cấp đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam; cấp lại Giấy chứng nhận cho người được cấp; chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.</p> <p>- Cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh thực hiện việc hủy Giấy chứng nhận đã cấp đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao và tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài; cấp lại Giấy chứng nhận cho người được cấp; chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.</p> <p>- Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp chưa sử dụng bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất thì thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai theo thẩm quyền thực hiện việc trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất đối với nơi chưa có bản đồ địa chính hoặc chỉ có bản đồ địa chính dạng giấy đã rách nát, hư hỏng không thể khôi phục và không thể sử dụng để số hoá.+ Người sử dụng đất được công nhận theo kết quả trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính và phải trả chi phí đo đạc theo quy định; trường hợp đo đạc lại mà diện tích thửa đất lớn hơn diện tích trên Giấy chứng nhận đã cấp, ranh giới thửa đất không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận thì người sử dụng đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất ở tăng thêm nằm ngoài hạn mức đất ở, tiền thuê đất đối với phần diện tích tăng thêm theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận trước đây.		
--	--	---	--	--

30	<p>Trình tự, thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông (Mục VI Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>1. Trường hợp thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận thì thực hiện như sau:</p> <p>a) Người sử dụng đất nộp văn bản tặng cho quyền sử dụng đất hoặc biên bản họp giữa đại diện thôn, ấp, làng, bản, buôn, bom, phum, sóc, tổ dân phố, điểm dân cư với người sử dụng đất về việc tặng cho quyền sử dụng đất và bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất.</p> <p>Trường hợp có biên bản họp giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với người sử dụng đất về việc tặng cho quyền sử dụng đất thì người sử dụng đất chỉ nộp bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất;</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển văn bản về việc tặng cho quyền sử dụng đất quy định tại điểm a khoản 1 Mục VI này kèm theo Giấy chứng nhận đã cấp đến Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai;</p> <p>c) Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện đo đạc chính lý bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính; cập nhật, chỉnh lý biên động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho một phần diện tích thửa đất.</p> <p>Trường hợp người sử dụng đất tặng cho toàn bộ diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận thì thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp để quản lý;</p> <p>d) Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển Giấy chứng nhận tới Ủy ban nhân dân cấp xã để trao cho người được cấp.</p> <p>2. Trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận thì thực hiện như sau:</p> <p>a) Người sử dụng đất nộp văn bản tặng cho quyền sử dụng đất hoặc biên bản họp giữa đại diện thôn, ấp, làng, bản, buôn, bom, phum, sóc, tổ dân phố, điểm dân cư với người sử dụng đất</p>		
----	--	---	--	--

		<p>về việc tặng cho quyền sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất.</p> <p>Trường hợp có biên bản họp giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với người sử dụng đất về việc tặng cho quyền sử dụng đất thì người sử dụng đất không phải nộp giấy tờ quy định tại điểm này;</p> <p>b) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện đo đạc chính lý bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất;</p> <p>c) Phần diện tích còn lại của thửa đất (nếu có) thì người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo quy định, trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu theo quy định.</p>		
31	<p>Trình tự, thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản (Mục VII Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>1. Trong thời hạn theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật về kinh doanh bất động sản, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Mục I nội dung A Phần IV.</p> <p>a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. <p>Trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định.</p> <p>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả và Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai. <p>b) Thành phần hồ sơ gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản về việc nhà ở, công trình xây dựng đã được nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp 		

		<p>luật về xây dựng đối với trường hợp có nhận chuyển nhượng nhà ở, công trình xây dựng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản về việc đủ điều kiện được chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản; - Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo Quyết định này do người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng kê khai; - Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng theo quy định của pháp luật; - Biên bản bàn giao nhà, đất, công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng; - Giấy chứng nhận đã cấp cho chủ đầu tư dự án; - Chứng từ chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp Văn phòng đăng ký đất đai nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc dự án được điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết mà làm phát sinh nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. <p>2. Trường hợp người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trực tiếp thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì nộp hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Mục I nội dung A Phần IV.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện công việc quy định tại điểm a khoản 1 Mục này. - Hồ sơ gồm các giấy tờ theo quy định tại điểm b khoản 1 Mục này hoặc các giấy tờ quy định tại các gạch đầu dòng (-) thứ 3, 4 và 5 điểm b khoản 1 Mục này. <p>3. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm:</p>		
--	--	---	--	--

		<p>a) Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 và gạch đầu dòng (-) thứ 2 khoản 2 Mục này.</p> <p>Trường hợp người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trực tiếp thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà chủ đầu tư chưa nộp các giấy tờ quy định tại điểm b khoản 1 Mục này và hồ sơ do người nhận chuyển nhượng nộp chỉ gồm các giấy tờ quy định tại các gạch đầu dòng (-) thứ 3, 4 và 5 điểm b khoản 1 Mục này thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, Văn phòng đăng ký đất đai thông báo cho chủ đầu tư cung cấp các giấy tờ quy định tại các gạch đầu dòng (-) thứ 1, 2, 6 và 7 điểm b khoản 1 Mục này;</p> <p>b) Gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Quyết định này đến cơ quan thuế để xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng;</p> <p>c) Cập nhật, chỉnh lý biên động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;</p> <p>d) Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng; xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp cho chủ đầu tư, trong đó phân diện tích thuộc quyền sử dụng chung với người khác thì được chỉnh lý biên động để chuyển sang hình thức sử dụng chung;</p> <p>đ) Chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Mục I nội dung A Phần IV để trao cho người được cấp hoặc cho chủ đầu tư dự án để trao cho người được cấp đối với trường hợp chủ đầu tư dự án nộp hồ sơ thực hiện thủ tục.</p>		
--	--	---	--	--

32	<p>Trình tự, thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (<i>Mục VIII Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)</p>	<p>1. Các trường hợp sử dụng đất sau đây do nhận chuyển quyền sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật nhưng có chữ ký của các bên liên quan mà chưa được cấp Giấy chứng nhận và không thuộc trường hợp quy định tại khoản Mục này thì người đang sử dụng đất thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu mà không phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất; cơ quan tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu người nhận chuyển quyền sử dụng đất nộp hợp đồng, văn bản chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp Giấy tờ về việc nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về dân sự và giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật Đất đai;</p> <p>a) Sử dụng đất do nhận chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 Luật Đất đai;</p> <p>b) Sử dụng đất do nhận chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 Luật Đất đai;</p> <p>c) Sử dụng đất do nhận chuyển quyền sử dụng đất của người nhận thừa kế quyền sử dụng đất quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật Đất đai.</p> <p>2. Trường hợp người đang sử dụng đất do nhận chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà thửa đất đó đã có Giấy chứng nhận và bên nhận chuyển quyền sử dụng đất chỉ có Giấy chứng nhận đã cấp cho thửa đất kèm theo giấy tờ về việc nhận chuyển quyền sử dụng đất hoặc chỉ có hợp đồng, văn bản về chuyển quyền sử dụng đất đã lập theo quy định thì thực hiện như sau:</p> <p>a) Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Mục I nội dung A Phần IV.</p>		
----	---	---	--	--

		<p>- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.</p> <p>Trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định.</p> <p>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả và Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>+ Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.</p> <p>- Thành phần hồ sơ gồm:</p> <p>+ Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo Quyết định này;</p> <p>+ Hợp đồng, văn bản về chuyển quyền sử dụng đất đã lập theo quy định đối với trường hợp chỉ có hợp đồng hoặc văn bản về chuyển quyền sử dụng đất đã lập theo quy định nhưng bên chuyển quyền không trao Giấy chứng nhận cho bên nhận chuyển quyền</p> <p>Trường hợp nhận chuyển quyền sử dụng đất nhưng không có hợp đồng, văn bản theo quy định thì nộp bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp, giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có đủ chữ ký của bên chuyển quyền và bên nhận chuyển quyền;</p> <p>+ Mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất hoặc Phiếu đo đạc chính lý thửa đất đối với trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu đo đạc để xác định lại kích thước các cạnh, diện tích của thửa đất.</p> <p>b) Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thông báo bằng văn bản cho bên chuyển quyền và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất đề niêm yết công khai về việc làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển quyền.</p>		
--	--	--	--	--

		<p>Trường hợp không rõ địa chỉ của người chuyển quyền để thông báo thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, chi phí đăng tin do người đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trả;</p> <p>c) Sau thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có thông báo hoặc đăng tin lần đầu tiên trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương mà không có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Quyết định này đến cơ quan thuế để xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính cho người nhận chuyển quyền sử dụng đất; người nhận chuyển quyền sử dụng đất có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.</p> <p>Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho bên nhận chuyển quyền khi có thông tin từ cơ sở dữ liệu được liên thông hoặc chứng từ hoặc giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính; trường hợp bên chuyển quyền không nộp Giấy chứng nhận đã cấp thì thực hiện việc hủy Giấy chứng nhận đã cấp.</p> <p>Trường hợp có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp thì Văn phòng đăng ký đất đai hướng dẫn các bên nộp đơn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định.</p>		
--	--	---	--	--

33	<p>Trình tự, thủ tục đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất (Mục IX Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>1. Người yêu cầu đăng ký nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Mục I nội dung A Phần IV</p> <p>a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. <p>Trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định.</p> <p>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả và Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai đối với trường hợp diện tích đất của dự án đã được cấp Giấy chứng nhận. <p>b) Thành phần hồ sơ gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 21 ban hành kèm theo Quyết định này đối với trường hợp diện tích đất của dự án chưa được cấp Giấy chứng nhận hoặc Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo Quyết định này đối với trường hợp diện tích đất của dự án đã được cấp Giấy chứng nhận; - Giấy chứng nhận đã cấp cho bên chuyên nhượng dự án; trường hợp có thay đổi nghĩa vụ tài chính thì phải nộp chứng từ chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với sự thay đổi đó (trừ trường hợp được miễn hoặc chậm nộp theo quy định của pháp luật). <p>Trường hợp diện tích đất của dự án chưa được cấp Giấy chứng nhận thì nộp chứng từ chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính của bên chuyên nhượng và bên nhận chuyển nhượng dự án, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án;</p>		
----	--	--	--	--

		<p>c) Văn bản cho phép chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Hợp đồng chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất theo Mẫu số 28 ban hành kèm theo Quyết định này đối với trường hợp chuyển nhượng một phần dự án mà quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đã được cấp Giấy chứng nhận;</p> <p>e) Mảnh trích đo bản đồ địa chính đối với trường hợp chuyển nhượng một phần dự án mà diện tích đất để thực hiện dự án chưa được cấp Giấy chứng nhận.</p> <p>2. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng dự án không phải là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và đất để thực hiện dự án đã được cấp Giấy chứng nhận thì Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc quy định tại khoản 3 Mục VI nội dung C này.</p> <p>3. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng dự án bất động sản không phải là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và đất để thực hiện dự án chưa được cấp Giấy chứng nhận thì Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện như sau:</p> <p>a) Gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Quyết định này đến cơ quan thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính;</p> <p>b) Khi có thông tin từ cơ sở dữ liệu được liên thông hoặc chứng từ hoặc giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính thì hoàn thiện hồ sơ, trình cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;</p> <p>c) Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển cơ quan tiếp nhận hồ sơ để trao cho người được cấp; thực hiện việc lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.</p>		
--	--	--	--	--

		<p>4. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng dự án bất động sản là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thì việc đăng ký đất đai được thực hiện trong trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất.</p> <p>5. Trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm thì Văn phòng đăng ký đất đai thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế về việc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng dự án trong hợp đồng thuê đất và thực hiện các công việc quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Mục VI nội dung C này.</p>		
34	<p>Trình tự, thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (<i>Mục X Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)</p>	<p>1. Việc nộp hồ sơ được thực hiện như sau:</p> <p>a) Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 136 Luật Đất đai, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp có sai sót thì thông báo cho người được cấp Giấy chứng nhận và đề nghị nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp để thực hiện đính chính;</p> <p>b) Trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận phát hiện Giấy chứng nhận cấp lần đầu có sai sót thì nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua bưu chính công ích hoặc trực tuyến đến</p> <p>c) Trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất có sai sót thì nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Mục X này đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Mục I nội dung A Phần IV.</p> <p>Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. <p>Trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định.</p> <p>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả và Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị</p>		

	<p>định của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>- Chuyên hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.</p> <p>2. Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp có sai sót bao gồm:</p> <p>a) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo Quyết định này;</p> <p>b) Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <p>c) Giấy tờ chứng minh sai sót thông tin về thửa đất, tài sản gắn liền với đất so với thông tin trên Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp sai sót thông tin về thửa đất, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>Trường hợp sai sót thông tin của người được cấp Giấy chứng nhận so với thông tin tại thời điểm đề nghị đính chính thì cơ quan giải quyết thủ tục có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nếu không thể khai thác được thông tin thì nộp Giấy tờ chứng minh sai sót thông tin của người được cấp Giấy chứng nhận;</p> <p>d) Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện thủ tục thông qua người đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự thì phải có văn bản về việc ủy quyền theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>3. Trường hợp Giấy chứng nhận cấp lần đầu có sai sót thì cơ quan có chức năng quản lý đất đai thực hiện:</p> <p>a) Thông báo cho Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyên hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai;</p> <p>b) Kiểm tra hồ sơ, lập biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót;</p>		
--	--	--	--

		<p>c) Trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai xác nhận nội dung đính chính trên Giấy chứng nhận đã cấp hoặc cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;</p> <p>d) Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc gửi cơ quan tiếp nhận hồ sơ để trao cho người được cấp.</p> <p>4. Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất có sai sót thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện:</p> <p>a) Kiểm tra, lập biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót;</p> <p>b) Xác nhận nội dung đính chính trên Giấy chứng nhận đã cấp hoặc cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;</p> <p>c) Cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người được cấp hoặc chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Mục I nội dung A Phần IV để trao cho người được cấp.</p>		
35	<p>Trình tự, thủ tục thu hồi, hủy Giấy chứng nhận đã cấp và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi</p>	<p>Việc thu hồi, hủy Giấy chứng nhận đã cấp, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp đối với các trường hợp quy định tại các khoản 2, 5, 6 và 7 Điều 152 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được thực hiện như sau:</p> <p>1. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất quy định tại các điều 78, 79, 81 và 82 Luật Đất đai số 31/2024/QH15:</p> <p>a) Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp Giấy chứng nhận đã cấp cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm</p>		

<p>thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp (Mục XII Nội dung C Phần XI Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật đất đai hoặc cơ quan được quy định tại quyết định thu hồi đất;</p> <p>b) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tiếp nhận Giấy chứng nhận của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất từ cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a khoản 1 Mục này kèm theo quyết định thu hồi đất.</p> <p>Trường hợp Nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích của thửa đất ghi trong Giấy chứng nhận thì thực hiện cập nhật, chỉnh lý biên động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.</p> <p>Trường hợp Nhà nước thu hồi một phần diện tích của thửa đất ghi trong Giấy chứng nhận hoặc trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp cho nhiều thửa đất mà Nhà nước thu hồi một, một số thửa đất thì thực hiện xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp hoặc cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với phần diện tích hoặc các thửa đất còn lại nếu người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có nhu cầu; trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người được cấp; cập nhật, chỉnh lý biên động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.</p> <p>2. Việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 152 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 thì cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 136 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp; Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện cập nhật, chỉnh lý biên động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.</p> <p>3. Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai quy định tại điểm d khoản 3 Điều 152 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 thì thực hiện như sau:</p> <p>a) Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất gửi kiến nghị bằng văn bản kèm theo Giấy chứng nhận đã cấp</p>		
---	--	--	--

	<p>đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Mục I nội dung A Phần IV.;</p> <p>b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ và chuyển hồ sơ đến cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 136 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP để kiểm tra, xem xét, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 9 Mục này, chỉ đạo, thực hiện việc cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.</p> <p>4. Việc thu hồi Giấy chứng nhận quy định tại điểm đ và điểm e khoản 2 và khoản 5 Điều 152 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 như sau:</p> <p>a) Đối với Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu thì cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quyết định thu hồi và chuyển quyết định đến Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp, cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;</p> <p>b) Đối với Giấy chứng nhận đã cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất thì cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quyết định thu hồi và cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.</p> <p>5. Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm quản lý Giấy chứng nhận trong trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 152 Luật Đất đai.</p>		
--	--	--	--

		<p>6. Các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Mục này mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.</p> <p>7. Đối với trường hợp có nhiều thửa đất cấp chung 01 Giấy chứng nhận mà có một hoặc một số thửa đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận quy định tại các điểm d, đ, e khoản 2 và khoản 5 Điều 152 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 thì thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo đúng quy định của pháp luật đối với các thửa đất này; cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận theo đúng quy định của pháp luật. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 7 này được thực hiện theo quy định tại khoản 9 Mục này.</p> <p>8. Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 152 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không nộp Giấy chứng nhận thì việc hủy Giấy chứng nhận được thực hiện như sau:</p> <p>a) Đối với Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu thì cơ quan, người có chức năng quản lý đất đai trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quyết định hủy Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <p>b) Đối với Giấy chứng nhận đã cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất thì Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quyết định hủy Giấy chứng nhận đã cấp;</p>		
--	--	--	--	--

		<p>c) Trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 152 Luật Đất đai thì thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 8 này;</p> <p>d) Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; lập danh sách Giấy chứng nhận đã bị hủy gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường để thông báo công khai trên trang thông tin điện tử.</p> <p>9. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi Giấy chứng nhận quy định tại điểm d khoản 2 Điều 152 Luật Đất đai như sau:</p> <p>a) Trường hợp Giấy chứng nhận bị thu hồi là Giấy chứng nhận cấp lần đầu thì Văn phòng đăng ký đất đai chuyển hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai kiểm tra hồ sơ, xác định lại thông tin quy định tại điểm d khoản 2 Điều 152 Luật Đất đai theo đúng quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển hồ sơ đã giải quyết đến Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện công việc tại điểm đ Mục này;</p> <p>b) Trường hợp Giấy chứng nhận bị thu hồi là Giấy chứng nhận được cấp trong trường hợp đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra hồ sơ đã cấp Giấy chứng nhận để xác định lại thông tin quy định tại điểm d khoản 2 Điều 152 Luật Đất đai theo đúng quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận; thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai, điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP và công việc quy định tại điểm đ khoản 9 này;</p>		
--	--	--	--	--

		<p>c) Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai không xác định lại các thông tin khác trên Giấy chứng nhận đã được cơ quan, người có thẩm quyền xác lập phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>d) Đối với Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật do lỗi của cơ quan, người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận thì nghĩa vụ tài chính được xác định theo chính sách thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận trước đây; đối với trường hợp do lỗi của người sử dụng đất thì nghĩa vụ tài chính được xác định theo chính sách thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;</p> <p>đ) Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Mục I nội dung A để trao cho người được cấp.</p> <p>10. Đối với trường hợp tại thời điểm thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp mà quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đang được thế chấp và bên nhận thế chấp đang giữ Giấy chứng nhận thì cơ quan, người có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận có trách nhiệm thông báo cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và bên nhận thế chấp. Bên nhận thế chấp có trách nhiệm nộp Giấy chứng nhận đã cấp cho cơ quan, người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p>		
--	--	---	--	--

36	<p>Hủy kết quả đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định tại khoản 1 Mục XII nội dung C Phần V Phụ lục I của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP (Mục XIII Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>1. Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm thực hiện:</p> <p>a) Thông báo bằng văn bản về việc hủy đăng ký cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và các bên có liên quan. Văn bản thông báo phải nêu rõ căn cứ hủy kết quả đăng ký và thể hiện nội dung yêu cầu người đang giữ Giấy chứng nhận nộp lại giấy này để Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc hủy kết quả đăng ký biến động.</p> <p>Trường hợp Giấy chứng nhận không được nộp lại thì việc hủy kết quả đăng ký đất đai vẫn có hiệu lực;</p> <p>b) Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc xác nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp theo nội dung hủy kết quả đăng ký biến động;</p> <p>c) Chinh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc gửi cơ quan tiếp nhận hồ sơ để trao cho người được cấp.</p> <p>3. Trường hợp kết quả đăng ký biến động đất đai đã bị hủy mà Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai nhận được văn bản của các cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Mục XVI nội dung C Phần V Phụ lục I của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP về việc khôi phục lại kết quả đăng ký biến động đất đai đã bị hủy thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc sau:</p> <p>a) Thông báo bằng văn bản về việc khôi phục kết quả đăng ký cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và các bên có liên quan; văn bản thông báo phải nêu rõ căn cứ khôi phục kết quả đăng ký và thể hiện nội dung yêu cầu người đang giữ Giấy chứng nhận nộp lại giấy này để Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc khôi phục kết quả đăng ký biến động.</p>		
----	---	--	--	--

		<p>Trường hợp Giấy chứng nhận không được nộp lại thì việc khôi phục kết quả đăng ký đất đai vẫn có hiệu lực;</p> <p>b) Thực hiện các công việc quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Mục XII này.</p> <p>4. Trường hợp thực hiện việc hủy đăng ký biến động đất đai theo quy định tại khoản 2 Mục XII này mà nội dung bị hủy chưa được xác nhận trên Giấy chứng nhận và Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai nhận được văn bản của các cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Mục XVI nội dung C Phần V Phụ lục I của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP về việc khôi phục lại kết quả đăng ký biến động đất đai thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thông báo bằng văn bản cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người đang giữ Giấy chứng nhận và các bên liên quan biết về việc kết quả đăng ký biến động đất đai ghi trên Giấy chứng nhận không bị thay đổi hoặc không bị chấm dứt hiệu lực của đăng ký.</p>		
37	<p>Trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất (Mục XIII Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến đến Trung tâm phục vụ hành chính công. Hồ sơ gồm:</p> <p>1.1. Đối với người đang sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thì hồ sơ gồm:</p> <p>a) Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 21 ban hành kèm theo Quyết định này.</p> <p>b) Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137, khoản 1, khoản 5 Điều 148, khoản 1, khoản 5 Điều 149 Luật Đất đai, sơ đồ nhà ở, công trình xây dựng (nếu có).</p> <p>Trường hợp thửa đất gốc có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 Luật Đất đai mà có phần diện tích đất tăng thêm đã được cấp Giấy chứng nhận thì nộp giấy tờ về việc</p>	<p>1. UBND phường An Dương: Đề nghị bỏ điểm c ở khoản 1.1 mục này.</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát, tiếp thu của Dự thảo</p>

	<p>chuyển quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận đã cấp cho phần diện tích tăng thêm;</p> <p>c) Giấy tờ về việc nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp nhận thừa kế quyền sử dụng đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật về đất đai;</p> <p>d) Giấy tờ về việc nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về dân sự và giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật Đất đai;</p> <p>đ) Giấy tờ về giao đất không đúng thẩm quyền hoặc giấy tờ về việc mua, nhận thanh lý, hóa giá, phân phối nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất theo quy định tại Điều 140 Luật Đất đai (nếu có);</p> <p>e) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với trường hợp có vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và giấy tờ chứng minh đã thực hiện quyết định xử phạt;</p> <p>g) Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền đối với thửa đất liền kề kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế đối với trường hợp có đăng ký quyền đối với thửa đất liền kề;</p> <p>h) Văn bản xác định các thành viên có chung quyền sử dụng đất của hộ gia đình đang sử dụng đất đối với trường hợp hộ gia đình đang sử dụng đất;</p> <p>i) Mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất (nếu có);</p> <p>k) Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc đã có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất nông nghiệp mà chủ sở hữu công trình không có một trong</p>		
--	--	--	--

	<p>các loại giấy tờ quy định tại Điều 149 Luật Đất đai hoặc công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;</p> <p>l) Trường hợp quy định tại điểm a khoản 6 Điều 25 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP thì nộp Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và giấy tờ chứng minh đã thực hiện quyết định xử phạt;</p> <p>m) Chứng từ đã thực hiện nghĩa vụ tài chính, giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có);</p> <p>n) Trường hợp nhận chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng mà chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định của pháp luật thì nộp giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất có chữ ký của bên chuyển quyền và bên nhận chuyển quyền;</p> <p>o) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với nhà ở, công trình xây dựng thuộc trường hợp phải xin phép xây dựng quy định tại khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 149 Luật Đất đai thì nộp giấy xác nhận của cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 về đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng đó theo quy định của pháp luật về xây dựng (nếu có).</p> <p>“c) Văn bản cam kết của người nhận thừa kế hoặc văn bản thỏa thuận của những người nhận thừa kế đối với trường hợp nhận thừa kế quyền sử dụng đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>Văn bản cam kết của người nhận thừa kế hoặc văn bản thỏa thuận của những người nhận thừa kế không phải thực hiện công chứng, chứng thực, trừ trường hợp có nhu cầu. Người nhận thừa kế hoặc những người nhận thừa kế chịu trách nhiệm trước</p>		
--	--	--	--

	<p>pháp luật về nội dung cam kết, thỏa thuận;</p> <p>1.2. Trường hợp có nhiều người chung quyền sử dụng đất, chung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất có thỏa thuận cấp chung một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, ngoài các giấy tờ quy định tại Mục 1 và Mục 2 Phần I này thì nộp thêm văn bản thỏa thuận đó.</p> <p>1.3. Trường hợp người yêu cầu đăng ký quy định tại các Mục 1.1 Phần này thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật về dân sự thì phải có văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện:</p> <p>Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả và chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất.</p> <p>Trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định.</p> <p>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả và Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các công việc sau:</p> <p>a) Thực hiện các công việc sau:</p> <p>a1) Xác nhận hiện trạng sử dụng đất có hay không có nhà ở, công trình xây dựng; tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>Việc xác nhận tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất được thực hiện căn cứ vào việc Ủy ban nhân dân cấp xã đang thụ lý đơn yêu cầu hoà giải tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất hoặc đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất hoặc nhận được văn bản hoặc thông</p>		
--	--	--	--

	<p>báo của cơ quan có thẩm quyền về việc thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>a2) Ngoài nội dung xác nhận theo quy định tại nội dung (b1) điểm b Mục 3 này, căn cứ vào trường hợp cụ thể thì xác nhận các nội dung sau:</p> <p>(i) Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 7 Điều 137 Luật Đất đai thì thực hiện xác định đất sử dụng ổn định theo quy định tại khoản 38 Điều 3 Luật Đất đai.</p> <p>(ii) Trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 137 Luật Đất đai thì xác định nguồn gốc sử dụng đất; xác định việc sử dụng đất ổn định theo quy định tại khoản 38 Điều 3 Luật Đất đai. Việc xác nhận sử dụng đất ổn định được căn cứ vào thời gian và mục đích sử dụng đất tại một trong các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biên lai nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất; + Biên bản hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong việc sử dụng đất, biên bản hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong việc xây dựng công trình gắn liền với đất; + Quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực thi hành, quyết định về thi hành án của cơ quan Thi hành án đã được thi hành về tài sản gắn liền với đất; + Giấy tờ nộp tiền điện, nước và các khoản nộp khác có địa chỉ thuộc thửa đất phải xác định; + Giấy tờ về giao đất không đúng thẩm quyền hoặc giấy tờ về việc mua, nhận thanh lý, hóa giá, phân phối nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất theo quy định tại Điều 140 Luật Đất đai; + Giấy tờ về mua bán nhà, tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về mua bán đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên liên quan từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 trở về sau; 		
--	--	--	--

		<p>+ Bản đồ, tài liệu điều tra, đo đạc về đất đai; sổ mục kê, sổ kiến điền được lập từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 trở về sau;</p> <p>+ Giấy tờ về việc kê khai, đăng ký nhà, đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện hoặc cấp tỉnh tại thời điểm kê khai kể từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 trở về sau;</p> <p>+ Giấy tờ về việc đăng ký thường trú, tạm trú tại nhà ở gắn với đất ở do cơ quan có thẩm quyền cấp;</p> <p>(iii) Trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 137 Luật Đất đai mà không có một trong các thông tin, giấy tờ tại nội dung (ii) hoặc trên giấy tờ, thông tin đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ, thời điểm xác lập thông tin và mục đích sử dụng đất được thực hiện trên cơ sở nội dung kê khai của người sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất.</p> <p>(iv) Trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 137 Luật Đất đai và thời điểm bắt đầu sử dụng đất thể hiện trên các loại giấy tờ hoặc thông tin quy định nội dung (ii) và nội dung (iii) có sự không thống nhất thì thời điểm bắt đầu sử dụng đất được xác định theo giấy tờ hoặc thông tin có ngày, tháng, năm sử dụng đất sớm nhất.</p> <p>(v) Trường hợp đề nghị công nhận vào mục đích đất phi nông nghiệp quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 138 Luật Đất đai, khoản 3 Điều 25, điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP và trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Luật Đất đai mà không thuộc khoản 5 Điều 25 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP, khoản 2 và khoản 3 Điều 140 Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp xã hoặc một trong các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn; trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Đất đai thì xác định sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất;</p>		
--	--	--	--	--

		<p>(vi) Trường hợp quy định khoản 1 Điều 139 Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng.</p> <p>Trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 139 Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.</p> <p>Trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 139 Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cho mục đích xây dựng công trình hạ tầng công cộng.</p> <p>Trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 139 Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp quy hoạch lâm nghiệp đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, quy hoạch sử dụng đất cho mục đích xây dựng công trình hạ tầng công cộng, xác nhận thêm sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp xã hoặc một trong các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP;</p> <p>(vii) Khi xác nhận sự phù hợp với quy hoạch quy định tại các nội dung (v) và (vi) Mục 3 này thì căn cứ vào quy hoạch có hiệu lực tại thời điểm xác nhận.</p> <p>b) Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng thuộc trường hợp phải xin phép xây dựng quy định tại khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 149 Luật Đất đai mà không có giấy xác nhận của cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 về đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng đó theo quy định của pháp luật về xây dựng thì không thực hiện việc xác định việc đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng, việc đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng do chủ sở hữu công trình chịu trách nhiệm.</p>		
--	--	--	--	--

		<p>c) Niêm yết công khai các nội dung xác nhận theo Mẫu số 23 ban hành kèm theo Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời gian 15 ngày, đồng thời thực hiện xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung đã công khai (nếu có).</p> <p>d) Kiểm tra việc đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai;</p> <p>đ) Trường hợp không có nhu cầu hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì ban hành Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai theo Mẫu số 22 ban hành kèm theo Quyết định này và chuyển đến nơi nộp hồ sơ để trả cho người yêu cầu đăng ký; chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để lập, cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;</p> <p>e) Trường hợp có nhu cầu và đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Quyết định này đến cơ quan thuế để cơ quan thuế xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p>		
38	<p>Trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (<i>Mục XIV Nội dung C</i></p>	<p>1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến đến Trung tâm phục vụ hành chính công. Hồ sơ gồm:</p> <p>1.1. Đối với người đang sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức), người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận thừa</p>		

<p><i>Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</i></p>	<p>kế quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 28 Luật Đất đai thì hồ sơ nộp gồm:</p> <p>a) Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 21 ban hành kèm theo Quyết định này;</p> <p>b) Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137, khoản 4, khoản 5 Điều 148, khoản 4, khoản 5 Điều 149 của Luật Đất đai (nếu có).</p> <p>Trường hợp chủ đầu tư xây dựng nhà ở để kinh doanh quy định tại khoản 4 Điều 148 của Luật Đất đai hoặc chủ đầu tư tạo lập công trình xây dựng quy định tại khoản 4 Điều 149 của Luật Đất đai đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng thì phải có quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư dự án hoặc giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép xây dựng hoặc giấy tờ khác theo quy định của pháp luật; văn bản về việc nhà ở, công trình xây dựng đã được nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng; sơ đồ tài sản đề nghị chứng nhận quyền sở hữu.</p> <p>Đối với công trình xây dựng không phải là nhà ở thì phải có thêm giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc hợp đồng thuê đất với người sử dụng đất có mục đích sử dụng đất phù hợp với mục đích xây dựng công trình;”.</p> <p>c) Giấy tờ về việc nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về dân sự đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài;</p> <p>d) Sơ đồ hoặc bản trích lục bản đồ địa chính hoặc mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất (nếu có); mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất (nếu có) đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài;</p> <p>đ) Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất theo Mẫu số 21d ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp tổ</p>		
---	--	--	--

	<p>chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc đang sử dụng đất;</p> <p>e) Quyết định vị trí đóng quân hoặc văn bản giao cơ sở nhà đất hoặc địa điểm công trình quốc phòng, an ninh được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho đơn vị quân đội, đơn vị công an, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; doanh nghiệp nhà nước do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được giao quản lý, sử dụng đất, công trình gắn liền với đất;</p> <p>g) Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc đã có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất nông nghiệp mà chủ sở hữu công trình không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 149 Luật Đất đai hoặc công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;</p> <p>h) Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính, giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có).</p> <p>1.2 Đối với phần diện tích đất mà công ty nông, lâm nghiệp được tiếp tục sử dụng sau khi rà soát, sắp xếp theo quy định tại Điều 181 Luật Đất đai thì không thực hiện theo quy định theo trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện:</p> <p>Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh.</p> <p>Trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định.</p> <p>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả và Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị</p>	
--	---	--

	<p>định của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>3. Đối với tổ chức sử dụng đất, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh nơi có đất thực hiện các công việc sau:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Kiểm tra thực tế sử dụng đất của tổ chức, xác định ranh giới cụ thể của thửa đất theo quy định tại khoản 2 Điều 142 và khoản 2 Điều 145 Luật Đất đai;b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hình thức sử dụng đất theo Mẫu số 26 ban hành kèm theo Quyết định này;c) Xác định giá đất và gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Quyết định này đến cơ quan thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất. <p>4. Đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 28 Luật Đất đai, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh nơi có đất thực hiện các công việc sau:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Trích lục bản đồ địa chính đối với nơi đã có bản đồ địa chính. <p>Đối với trường hợp phải trích đo bản đồ địa chính theo quy định về đo đạc lập bản đồ địa chính thì tổ chức thực hiện việc trích đo bản đồ địa chính, người sử dụng đất phải trả chi phí đo đạc theo quy định;</p> <ul style="list-style-type: none">b) Thực hiện các công việc:<ul style="list-style-type: none">b1) Xác định hiện trạng sử dụng đất có hay không có nhà ở, công trình xây dựng; tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất. <p>Việc xác định tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất được thực hiện căn cứ vào việc Ủy ban nhân dân cấp xã đang thụ lý đơn yêu cầu hoà giải tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất hoặc đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất hoặc nhận được văn bản hoặc thông báo của</p>		
--	---	--	--

	<p>cơ quan có thẩm quyền về việc thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất;</p> <p>b2) Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 7 Điều 137 Luật Đất đai thì thực hiện xác định đất sử dụng ổn định theo quy định tại khoản 38 Điều 3 Luật Đất đai;</p> <p>b3) Trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 137 Luật Đất đai thì xác định nguồn gốc sử dụng đất; xác định việc sử dụng đất ổn định theo quy định tại khoản 38 Điều 3 Luật Đất đai. Việc xác nhận định sử dụng đất ổn định được căn cứ vào thời gian và mục đích sử dụng đất tại một trong các giấy tờ sau đây:</p> <p>(i) Biên lai nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất;</p> <p>(ii) Biên bản hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong việc sử dụng đất, biên bản hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong việc xây dựng công trình gắn liền với đất;</p> <p>(iii) Quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực thi hành, quyết định về thi hành án của cơ quan Thi hành án đã được thi hành về tài sản gắn liền với đất;</p> <p>(iv) Giấy tờ nộp tiền điện, nước và các khoản nộp khác có địa chỉ thuộc thửa đất phải xác định;</p> <p>(v) Giấy tờ về giao đất không đúng thẩm quyền hoặc giấy tờ về việc mua, nhận thanh lý, hóa giá, phân phối nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất theo quy định tại Điều 140 Luật Đất đai;</p> <p>(vi) Giấy tờ về mua bán nhà, tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về mua bán đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên liên quan từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 trở về sau;</p> <p>(vii) Bản đồ, tài liệu điều tra, đo đạc về đất đai; sổ mục kê, sổ kiến điền được lập từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 trở về sau;</p>		
--	--	--	--

		<p>(viii) Giấy tờ về việc kê khai, đăng ký nhà, đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện hoặc cấp tỉnh tại thời điểm kê khai kể từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 trở về sau;</p> <p>(ix) Giấy tờ về việc đăng ký thường trú, tạm trú tại nhà ở gắn với đất ở do cơ quan có thẩm quyền cấp;</p> <p>(x) Giấy tờ khác chứng minh thời điểm sử dụng đất;</p> <p>b4) Trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 137 Luật Đất đai và không có một trong các giấy tờ tại điểm d Mục này hoặc trên giấy tờ đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ và mục đích sử dụng đất thì việc xác định thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất được thực hiện trên cơ sở nội dung kê khai của người sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất.</p> <p>Trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 Luật Đất đai và thời điểm bắt đầu sử dụng đất thể hiện trên các loại giấy tờ quy định điểm d Mục này có sự không thống nhất thì thời điểm bắt đầu sử dụng đất được xác định theo giấy tờ có ngày, tháng, năm sử dụng đất sớm nhất;</p> <p>b5) Xác định sự phù hợp với quy hoạch như sau:</p> <p>(i) Trường hợp đề nghị công nhận vào mục đích đất phi nông nghiệp quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 138 Luật Đất đai, khoản 3 Điều 25, điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP và trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Luật Đất đai mà không thuộc khoản 5 Điều 25 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP, khoản 2 và khoản 3 Điều 140 Luật Đất đai thì xác định sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc chỉ tiêu sử dụng đất đến cấp xã trong quy hoạch tỉnh hoặc một trong các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn; trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Đất đai thì xác định sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt</p>		
--	--	--	--	--

	<p>trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc chỉ tiêu sử dụng đất đến cấp xã trong quy hoạch tỉnh;</p> <p>(ii) Trường hợp quy định khoản 1 Điều 139 Luật Đất đai thì xác định việc có hay không thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng, chỉ giới xây dựng đường giao thông, mục đích sử dụng cho trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp và công trình công cộng khác;</p> <p>(iii) Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 139 Luật Đất đai thì xác định diện tích đất lấn chiếm có hay không thuộc quy hoạch lâm nghiệp đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, quy hoạch sử dụng đất cho mục đích xây dựng công trình hạ tầng công cộng; trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP thì xác định sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc chỉ tiêu sử dụng đất đến cấp xã trong quy hoạch tỉnh hoặc một trong các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn;</p> <p>(iv) Khi xác định sự phù hợp với quy hoạch quy định tại các điểm e1, e2 và e3 điểm e này thì căn cứ vào quy hoạch có hiệu lực tại thời điểm xác định;</p> <p>b6) Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng thuộc trường hợp phải xin phép xây dựng quy định tại khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 149 Luật Đất đai mà không có giấy xác nhận của cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 về đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng thì chủ sở hữu công trình chịu trách nhiệm về nhà ở, công trình xây dựng đó;</p> <p>b7) Niêm yết công khai các nội dung xác nhận theo Mẫu số 23 ban hành kèm theo Nghị định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời gian 15 ngày, đồng thời thực hiện xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung đã công khai (nếu có);</p>		
--	---	--	--

		<p>b8) Xác nhận việc đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai;</p> <p>b9) Trường hợp không có nhu cầu hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì ban hành Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai theo Mẫu số 22 ban hành kèm theo Nghị định này và chuyển đến nơi nộp hồ sơ để trả cho người yêu cầu đăng ký; chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để lập, cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;</p> <p>b10) Trường hợp có nhu cầu và đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan thuế để cơ quan thuế xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p>		
39	<p>Trình tự, thủ tục xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 (<i>Mục XV Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)</p>	<p>1. Người yêu cầu đăng ký nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p> <p>Khi nộp các giấy tờ quy định, người yêu cầu đăng ký được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực; trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trường hợp nộp bản sao hoặc bản số hóa các loại giấy tờ thì khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính người yêu cầu đăng ký phải nộp bản chính các giấy tờ thuộc thành phần hồ sơ theo quy định.</p>		

		<p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. <p>Trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển hồ sơ đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã. <p>3. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp hồ sơ cấp giấy chứng nhận lần đầu. - Kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận trước đây, trường hợp đủ điều kiện xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại khoản 6 Điều 141 Luật Đất đai thì trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác định lại diện tích đất ở và cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất. - Chuyển Giấy chứng nhận đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ để trao cho người được cấp. - Chuyển hồ sơ kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đã cấp đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. 		
40	Giải quyết đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa	<p>1. Người sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho toàn bộ diện tích của thửa đất đang sử dụng như sau:</p> <p>a) Trường hợp tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận trước đây mà người sử dụng đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 Luật Đất đai thì diện tích đất ở được xác định theo Giấy chứng nhận đã cấp, nếu người sử dụng đất có nhu cầu thì được xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại khoản 6 Điều 141 Luật Đất đai, phần diện tích còn lại được xác định theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 141 Luật Đất đai;</p> <p>b) Trường hợp tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận trước đây mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng</p>		

<p>được cấp Giấy chứng nhận (Mục XVI Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>đất quy định tại Điều 137 Luật Đất đai thì diện tích đất ở được xác định theo Giấy chứng nhận đã cấp, phần diện tích còn lại được xác định theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 141 Luật Đất đai.</p> <p>2. Hồ sơ thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại Mục 8.1 Phần này gồm:</p> <p>a) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo quy định này;</p> <p>b) Giấy chứng nhận đã cấp.</p> <p>3. Trình tự, thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất:</p> <p>a) Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp hồ sơ quy định tại Mục 8.2 Phần này trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến đến Trung tâm phục vụ hành chính công;</p> <p>b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. <p>Trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định.</p> <p>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả và Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai. <p>4. Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện:</p> <p>a) Lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất về hiện trạng sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai;</p> <p>b) Trường hợp đất không có tranh chấp và người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 Luật Đất đai hoặc có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại</p>		
---	--	--	--

	<p>Điều 137 Luật Đất đai nhưng không có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở thì Văn phòng đăng ký đất đai gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo quy định này đến cơ quan thuế để xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.</p> <p>Khi có thông tin từ cơ sở dữ liệu được liên thông hoặc chứng từ hoặc giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho toàn bộ diện tích của thửa đất theo quy định tại Mục 1 Phần này;</p> <p>c) Trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại khoản 6 Điều 141 Luật Đất đai thì Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận trước đây, nếu đủ điều kiện xác định lại diện tích đất ở thì chuyển hồ sơ quy định tại Mục 8.2 Phần này kèm theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận trước đây đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã để thực hiện công việc quy định tại Mục 8.5 Phần này.</p> <p>5. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã thực hiện:</p> <p>a) Xác định diện tích, loại đất theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 và khoản 6 Điều 141 Luật Đất đai;</p> <p>b) Gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất;</p> <p>c) Khi có thông tin từ cơ sở dữ liệu được liên thông hoặc chứng từ hoặc giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển hồ sơ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã cấp đến Văn phòng đăng ký đất đai để chỉnh lý, cấp</p>		
--	---	--	--

		<p>nhập biên động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người được cấp.</p>		
41	<p>Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu (Mục XVII Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>1. Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất:</p> <p>Khi có thông tin từ cơ sở dữ liệu được liên thông hoặc chứng từ hoặc giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ nghĩa vụ tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện:</p> <p>a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p> <p>Trường hợp thuê đất thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký quyết định cho thuê đất, ký hợp đồng thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;</p> <p>b) Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p> <p>Trường hợp thuê đất thì trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hợp đồng thuê đất cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất;</p> <p>c) Chuyển hồ sơ đã cấp Giấy chứng nhận dạng số và dạng giấy đến Văn phòng đăng ký đất đai để lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.</p> <p>2. Đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận thừa kế quyền sử dụng đất, tổ chức đang sử dụng đất:</p> <p>Khi có thông tin từ cơ sở dữ liệu được liên thông hoặc chứng từ hoặc giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh thực hiện:</p> <p>a) Ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p>		

		<p>Trường hợp tổ chức được thuê đất thì thực hiện việc ký hợp đồng thuê đất, ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;</p> <p>b) Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p> <p>Trường hợp tổ chức được thuê đất thì trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hợp đồng thuê đất cho người sử dụng đất;</p> <p>c) Chuyển hồ sơ đã cấp Giấy chứng nhận dạng số và dạng giấy đến Văn phòng đăng ký đất đai để lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.</p> <p>3. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đã có Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất mà có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì thực hiện như sau:</p> <p>a) Người sử dụng đất nộp Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất và Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 21 ban hành kèm theo quy định này trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến đến Trung tâm phục vụ hành chính công. Cán bộ Trung tâm phục vụ hành chính công thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất;</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tổ chức thực hiện các công việc sau:</p> <p>b1) Trường hợp Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thể hiện đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất không thuộc trường hợp quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 151 Luật Đất đai thì cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo quy định này đến cơ quan thuế để cơ quan thuế</p>		
--	--	--	--	--

		<p>xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất;</p> <p>b2) Trường hợp Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất không thể hiện đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã khai thác thông tin về hồ sơ đăng ký đất đai trong cơ sở dữ liệu đất đai hoặc đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp hồ sơ nếu không khai thác được thông tin để thực hiện các công việc sau:</p> <p>b2.1) Xác nhận hiện trạng sử dụng đất có hay không có nhà ở, công trình xây dựng; tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>Việc xác nhận tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất được thực hiện căn cứ vào việc Ủy ban nhân dân cấp xã đang thụ lý đơn yêu cầu hoà giải tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất hoặc đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất hoặc nhận được văn bản hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>b2.2) Ngoài nội dung xác nhận theo quy định tại nội dung (b2.1) điểm b Mục 3 này, căn cứ vào trường hợp cụ thể thì xác nhận các nội dung sau:</p> <p>(i) Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 7 Điều 137 Luật Đất đai thì thực hiện xác định đất sử dụng ổn định theo quy định tại khoản 38 Điều 3 Luật Đất đai.</p> <p>(ii) Trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 137 Luật Đất đai thì xác định nguồn gốc sử dụng đất; xác định việc sử dụng đất ổn định theo quy định tại khoản 38 Điều 3 Luật Đất đai. Việc xác nhận sử dụng đất ổn định được căn cứ vào thời gian và mục đích sử dụng đất tại một trong các giấy tờ sau đây:</p> <p>+ Biên lai nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất;</p>		
--	--	--	--	--

		<p>+ Biên bản hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong việc sử dụng đất, biên bản hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong việc xây dựng công trình gắn liền với đất;</p> <p>+ Quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực thi hành, quyết định về thi hành án của cơ quan Thi hành án đã được thi hành về tài sản gắn liền với đất;</p> <p>+ Giấy tờ nộ tiền điện, nước và các khoản nộ khác có địa chỉ thuộc thửa đất phải xác định;</p> <p>+ Giấy tờ về giao đất không đúng thẩm quyền hoặc giấy tờ về việc mua, nhận thanh lý, hóa giá, phân phối nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất theo quy định tại Điều 140 Luật Đất đai;</p> <p>+ Giấy tờ về mua bán nhà, tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về mua bán đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên liên quan từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 trở về sau;</p> <p>+ Bản đồ, tài liệu điều tra, đo đạc về đất đai; sổ mục kê, sổ kiến điền được lập từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 trở về sau;</p> <p>+ Giấy tờ về việc kê khai, đăng ký nhà, đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện hoặc cấp tỉnh tại thời điểm kê khai kể từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 trở về sau;</p> <p>+ Giấy tờ về việc đăng ký thường trú, tạm trú tại nhà ở gắn với đất ở do cơ quan có thẩm quyền cấp;</p> <p>(iii) Trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 137 Luật Đất đai mà không có một trong các thông tin, giấy tờ tại nội dung (ii) hoặc trên giấy tờ, thông tin đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ, thời điểm xác lập thông tin và mục đích sử dụng đất được thực hiện trên cơ sở nội dung kê khai của người sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất.</p> <p>(iv) Trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 137 Luật Đất đai và thời điểm bắt đầu sử</p>		
--	--	--	--	--

	<p>dụng đất thể hiện trên các loại giấy tờ hoặc thông tin quy định nội dung (ii) và nội dung (iii) có sự không thống nhất thì thời điểm bắt đầu sử dụng đất được xác định theo giấy tờ hoặc thông tin có ngày, tháng, năm sử dụng đất sớm nhất.</p> <p>(v) Trường hợp đề nghị công nhận vào mục đích đất phi nông nghiệp quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 138 Luật Đất đai, khoản 3 Điều 25, điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP và trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Luật Đất đai mà không thuộc khoản 5 Điều 25 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP, khoản 2 và khoản 3 Điều 140 Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp xã hoặc một trong các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn; trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Đất đai thì xác định sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất;</p> <p>(vi) Trường hợp quy định khoản 1 Điều 139 Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng.</p> <p>Trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 139 Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.</p> <p>Trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 139 Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cho mục đích xây dựng công trình hạ tầng công cộng.</p> <p>Trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 139 Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp quy hoạch lâm nghiệp đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, quy hoạch sử dụng đất cho mục đích xây dựng công trình hạ tầng công cộng, xác nhận thêm sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp xã hoặc một trong các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đối với trường</p>		
--	---	--	--

	<p>hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP;</p> <p>(vii) Khi xác nhận sự phù hợp với quy hoạch quy định tại các nội dung (v) và (vi) Mục 3 này thì căn cứ vào quy hoạch có hiệu lực tại thời điểm xác nhận.</p> <p>b2.3) Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng thuộc trường hợp phải xin phép xây dựng quy định tại khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 149 Luật Đất đai mà không có giấy xác nhận của cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 về đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng đó theo quy định của pháp luật về xây dựng thì không thực hiện việc xác định việc đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng, việc đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng do chủ sở hữu công trình chịu trách nhiệm.</p> <p>b2.4) Niêm yết công khai các nội dung xác nhận theo Mẫu số 23 ban hành kèm theo Quy định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời gian 15 ngày, đồng thời thực hiện xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung đã công khai (nếu có).</p> <p>b2.5) Kiểm tra việc đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai;</p> <p>b2.6) Trường hợp không có nhu cầu hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì ban hành Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai theo Mẫu số 22 ban hành kèm theo Quy định này và chuyển đến nơi nộp hồ sơ để trả cho người yêu cầu đăng ký; chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để lập, cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;</p>		
--	--	--	--

		<p>b2.7) Trường hợp có nhu cầu và đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Quy định này đến cơ quan thuế để cơ quan thuế xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p>		
42	<p>Trình tự, thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với toàn bộ diện tích đất đang sử dụng quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mục XVIII Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</p>	<p>1. Người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến đến Trung tâm phục vụ hành chính công. Hồ sơ gồm:</p> <p>a) Đơn đăng ký biên động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo quy định này;</p> <p>b) Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <p>c) Giấy tờ về việc nhận chuyển quyền sử dụng đất của phần diện tích tăng thêm đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP;</p> <p>d) Giấy tờ chứng minh phần diện tích tăng thêm (nếu có) đối với trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP;</p> <p>e) Văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện các công việc sau:</p> <p>a) Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định;</p> <p>b) Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP; chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã</p>	<p>1. UBND phường Tân Hưng: Tại Mục XVIII phần C của phần IV Phụ lục 1 đề nghị bổ sung diện tích tăng thêm thuộc khoản 1, 3 Điều 139 Luật Đất đai năm 2024 (theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 24 NĐ 101) trong thành phần hồ sơ bổ sung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính</p>	<p>Sở NNMT không tiếp thu. Lý do: Trong dự thảo đã có nội dung thành phần hồ sơ là Quyết định xử phạt vi phạm hành chính</p>

	<p>nơi có đất đối với trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.</p> <p>3. Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc sau:</p> <p>a) Thông báo bằng văn bản cho bên chuyển quyền và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thực hiện việc niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã về việc làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển quyền. Trường hợp không rõ địa chỉ của bên chuyển quyền để thông báo thì thực hiện đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, chi phí đăng tin do người đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trả;</p> <p>b) Sau thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo hoặc đăng tin lần đầu tiên trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương mà không có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp thì thực hiện công việc:</p> <p>b1) Kiểm tra các điều kiện thực hiện quyền theo quy định của Luật Đất đai đối với trường hợp thực hiện quyền của người sử dụng đất, của chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; trường hợp không đủ điều kiện thực hiện quyền theo quy định của Luật Đất đai thì Văn phòng đăng ký đất đai thông báo lý do và trả hồ sơ cho người yêu cầu đăng ký;</p> <p>b2) Khi giải quyết thủ tục đăng ký biến động đất đai mà thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận theo bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất thì Văn phòng đăng ký đất đai không phải thực hiện việc đo đạc, xác định lại diện tích thửa đất, trừ trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có nhu cầu. Trường hợp đăng ký biến động mà người sử dụng đất có nhu cầu đo đạc để xác định lại kích thước các cạnh, diện tích của thửa đất và nộp mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất thì kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính để xác định lại kích thước các cạnh, diện tích của thửa đất.</p>		
--	--	--	--

	<p>Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai mà Giấy chứng nhận đã cấp chưa sử dụng bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất, người sử dụng đất có nhu cầu cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thuộc trường hợp phải cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất đối với nơi chưa có bản đồ địa chính hoặc chỉ có bản đồ địa chính dạng giấy đã rách nát, hư hỏng không thể khôi phục và không thể sử dụng để số hóa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP để thể hiện sơ đồ của thửa đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p> <p>Người sử dụng đất được công nhận theo kết quả trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính; chi phí đo đạc do Nhà nước bảo đảm kinh phí; trường hợp đo đạc lại mà diện tích thửa đất lớn hơn diện tích trên Giấy chứng nhận đã cấp, ranh giới thửa đất không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận thì người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân phải thực hiện nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất ở tăng thêm nằm ngoài hạn mức đất ở theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận trước đây; trường hợp tổ chức thì phải thực hiện nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đối với phần diện tích đất phi nông nghiệp tăng thêm theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận trước đây;</p> <p>b3) Gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo quy định này đến cơ quan thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;</p>	
--	--	--

		<p>b4) Chinh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính; trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc gửi cơ quan tiếp nhận hồ sơ để trao cho người được cấp.</p> <p>Đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính thì Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc quy định tại điểm này khi có thông tin từ cơ sở dữ liệu được liên thông hoặc chứng từ hoặc giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính.</p> <p>b5) Thực hiện việc chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai đối với thửa đất của bên chuyển quyền sử dụng đất.</p> <p>Trường hợp có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp thì Văn phòng đăng ký đất đai hướng dẫn các bên nộp đơn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tổ chức thực hiện công việc:</p> <p>4.1. Trích lục bản đồ địa chính đối với nơi đã có bản đồ địa chính đối với toàn bộ thửa đất.</p> <p>Đối với nơi chưa có bản đồ địa chính và trong hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã có mảnh trích đo bản đồ địa chính thì kiểm tra, ký xác nhận mảnh trích đo bản đồ địa chính theo quy định, trừ trường hợp mảnh trích đo bản đồ địa chính đã được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra, ký duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025; trường hợp trong hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất chưa có mảnh trích đo bản đồ địa chính thì đề nghị đơn vị đo đạc có Giấy phép về hoạt động đo đạc, thành lập bản đồ địa chính thực hiện việc</p>		
--	--	---	--	--

	<p>trích đo bản đồ địa chính; đơn vị đo đạc có trách nhiệm thực hiện trích đo bản đồ địa chính trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của cấp xã, người sử dụng đất phải trả chi phí theo quy định.</p> <p>4.2. Đối với diện tích tăng thêm:</p> <p>a) Thực hiện các công việc sau:</p> <p>a1) Xác nhận hiện trạng sử dụng đất có hay không có nhà ở, công trình xây dựng; tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>Việc xác nhận tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất được thực hiện căn cứ vào việc Ủy ban nhân dân cấp xã đang thụ lý đơn yêu cầu hoà giải tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất hoặc đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất hoặc nhận được văn bản hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>a2) Ngoài nội dung xác nhận theo quy định tại nội dung (b1) điểm b Mục 3 này, căn cứ vào trường hợp cụ thể thì xác nhận các nội dung sau:</p> <p>(i) Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 7 Điều 137 Luật Đất đai thì thực hiện xác định đất sử dụng ổn định theo quy định tại khoản 38 Điều 3 Luật Đất đai.</p> <p>(ii) Trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 137 Luật Đất đai thì xác định nguồn gốc sử dụng đất; xác định việc sử dụng đất ổn định theo quy định tại khoản 38 Điều 3 Luật Đất đai. Việc xác nhận sử dụng đất ổn định được căn cứ vào thời gian và mục đích sử dụng đất tại một trong các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biên lai nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất; + Biên bản hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong việc sử dụng đất, biên bản hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong việc xây dựng công trình gắn liền với đất; 		
--	--	--	--

		<p>+ Quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực thi hành, quyết định về thi hành án của cơ quan Thi hành án đã được thi hành về tài sản gắn liền với đất;</p> <p>+ Giấy tờ nộp tiền điện, nước và các khoản nộp khác có địa chỉ thuộc thửa đất phải xác định;</p> <p>+ Giấy tờ về giao đất không đúng thẩm quyền hoặc giấy tờ về việc mua, nhận thanh lý, hóa giá, phân phối nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất theo quy định tại Điều 140 Luật Đất đai;</p> <p>+ Giấy tờ về mua bán nhà, tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về mua bán đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên liên quan từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 trở về sau;</p> <p>+ Bản đồ, tài liệu điều tra, đo đạc về đất đai; sổ mục kê, sổ kiến điền được lập từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 trở về sau;</p> <p>+ Giấy tờ về việc kê khai, đăng ký nhà, đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện hoặc cấp tỉnh tại thời điểm kê khai kể từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 trở về sau;</p> <p>+ Giấy tờ về việc đăng ký thường trú, tạm trú tại nhà ở gắn với đất ở do cơ quan có thẩm quyền cấp;</p> <p>(iii) Trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 137 Luật Đất đai mà không có một trong các thông tin, giấy tờ tại nội dung (ii) hoặc trên giấy tờ, thông tin đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ, thời điểm xác lập thông tin và mục đích sử dụng đất được thực hiện trên cơ sở nội dung kê khai của người sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất.</p> <p>(iv) Trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 137 Luật Đất đai và thời điểm bắt đầu sử dụng đất thể hiện trên các loại giấy tờ hoặc thông tin quy định nội dung (ii) và nội dung (iii) có sự không thống nhất thì thời điểm bắt đầu sử dụng đất được xác định theo giấy tờ hoặc thông tin có ngày, tháng, năm sử dụng đất sớm nhất.</p>		
--	--	---	--	--

		<p>(v) Trường hợp đề nghị công nhận vào mục đích đất phi nông nghiệp quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 138 Luật Đất đai, khoản 3 Điều 25, điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP và trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Luật Đất đai mà không thuộc khoản 5 Điều 25 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP, khoản 2 và khoản 3 Điều 140 Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp xã hoặc một trong các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn; trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Đất đai thì xác định sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất;</p> <p>(vi) Trường hợp quy định khoản 1 Điều 139 Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng.</p> <p>Trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 139 Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.</p> <p>Trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 139 Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cho mục đích xây dựng công trình hạ tầng công cộng.</p> <p>Trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 139 Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp quy hoạch lâm nghiệp đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, quy hoạch sử dụng đất cho mục đích xây dựng công trình hạ tầng công cộng, xác nhận thêm sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp xã hoặc một trong các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP;</p> <p>(vii) Khi xác nhận sự phù hợp với quy hoạch quy định tại các nội dung (v) và (vi) Mục này thì căn cứ vào quy hoạch có hiệu lực tại thời điểm xác nhận.</p>		
--	--	--	--	--

		<p>b) Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng thuộc trường hợp phải xin phép xây dựng quy định tại khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 149 Luật Đất đai mà không có giấy xác nhận của cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 về đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng đó theo quy định của pháp luật về xây dựng thì không thực hiện việc xác định việc đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng, việc đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng do chủ sở hữu công trình chịu trách nhiệm.</p> <p>c) Niêm yết công khai các nội dung xác nhận theo Mẫu số 23 ban hành kèm theo Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời gian 15 ngày, đồng thời thực hiện xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung đã công khai (nếu có).</p> <p>d) Kiểm tra việc đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai;</p> <p>đ) Trường hợp không có nhu cầu hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì ban hành Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai theo Mẫu số 22 ban hành kèm theo Quyết định này và chuyển đến nơi nộp hồ sơ để trả cho người yêu cầu đăng ký; chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để lập, cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;</p> <p>e) Trường hợp có nhu cầu và đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Quyết định này đến cơ quan thuế để cơ quan thuế xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p>		
--	--	--	--	--

		<p>4.3. Thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích thửa đất đang sử dụng.</p>		
43	<p>Trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận đối với một phần diện tích của thửa đất, phần diện tích còn lại chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận trước đây mà nay đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (<i>Mục XIX</i></p>	<p>1. Người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến đến Trung tâm phục vụ hành chính công. Hồ sơ gồm:</p> <p>a) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo Quyết định này;</p> <p>b) Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <p>c) Văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện các công việc sau:</p> <p>a) Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định;</p> <p>b) Chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất.</p> <p>11.3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các công việc quy định đối với diện tích chưa được cấp Giấy chứng nhận, trong đó việc xác nhận đất sử dụng ổn định được xác định theo phần diện tích đã được cấp giấy chứng nhận sau đây:</p> <p>a) Trích lục bản đồ địa chính đối với nơi đã có bản đồ địa chính.</p> <p>Đối với nơi chưa có bản đồ địa chính và trong hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã có mảnh trích đo bản đồ địa chính thì kiểm tra, ký xác nhận mảnh trích đo bản đồ địa chính theo quy định, trừ trường hợp mảnh trích đo bản đồ địa chính đã được Ủy ban</p>		

<p><i>Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định)</i></p>	<p>nhân dân cấp xã xác nhận hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra, ký duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025; trường hợp trong hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất chưa có mảnh trích đo bản đồ địa chính thì đề nghị đơn vị đo đạc có Giấy phép về hoạt động đo đạc, thành lập bản đồ địa chính thực hiện việc trích đo bản đồ địa chính; đơn vị đo đạc có trách nhiệm thực hiện trích đo bản đồ địa chính trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của cấp xã, người sử dụng đất phải trả chi phí theo quy định;</p> <p>b) Xác định hiện trạng sử dụng đất có hay không có nhà ở, công trình xây dựng; tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>Việc xác định tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất được thực hiện căn cứ vào việc Ủy ban nhân dân cấp xã đang thụ lý đơn yêu cầu hoà giải tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất hoặc đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất hoặc nhận được văn bản hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất;</p> <p>c) Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 7 Điều 137 Luật Đất đai thì thực hiện xác định đất sử dụng ổn định theo quy định tại khoản 38 Điều 3 Luật Đất đai;</p> <p>d) Trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 137 Luật Đất đai thì xác định nguồn gốc sử dụng đất; xác định việc sử dụng đất ổn định theo quy định tại khoản 38 Điều 3 Luật Đất đai. Việc xác nhận định sử dụng đất ổn định được căn cứ vào thời gian và mục đích sử dụng đất tại một trong các giấy tờ sau đây:</p> <p>d1) Biên lai nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất;</p> <p>d2) Biên bản hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong việc sử dụng đất, biên bản hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong việc xây dựng công trình gắn liền với đất;</p>		
--	---	--	--

	<p>d3) Quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực thi hành, quyết định về thi hành án của cơ quan Thi hành án đã được thi hành về tài sản gắn liền với đất;</p> <p>d4) Giấy tờ nộp tiền điện, nước và các khoản nộp khác có địa chỉ thuộc thửa đất phải xác định;</p> <p>d5) Giấy tờ về giao đất không đúng thẩm quyền hoặc giấy tờ về việc mua, nhận thanh lý, hóa giá, phân phối nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất theo quy định tại Điều 140 Luật Đất đai;</p> <p>d6) Giấy tờ về mua bán nhà, tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về mua bán đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên liên quan từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 trở về sau;</p> <p>d7) Bản đồ, tài liệu điều tra, đo đạc về đất đai; sổ mục kê, sổ kiến điền được lập từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 trở về sau;</p> <p>d8) Giấy tờ về việc kê khai, đăng ký nhà, đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện hoặc cấp tỉnh tại thời điểm kê khai kể từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 trở về sau;</p> <p>d9) Giấy tờ về việc đăng ký thường trú, tạm trú tại nhà ở gắn với đất ở do cơ quan có thẩm quyền cấp;</p> <p>d10) Giấy tờ khác chứng minh thời điểm sử dụng đất;</p> <p>đ) Trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 137 Luật Đất đai và không có một trong các giấy tờ tại điểm d Mục này hoặc trên giấy tờ đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ và mục đích sử dụng đất thì việc xác định thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất được thực hiện trên cơ sở nội dung kê khai của người sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất.</p> <p>Trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 Luật Đất đai và thời điểm bắt đầu sử dụng đất thể hiện trên các loại giấy tờ quy định điểm d Mục này có sự không thống nhất thì thời điểm bắt đầu sử dụng đất được xác định theo giấy tờ có ngày, tháng, năm sử dụng đất sớm nhất;</p>		
--	--	--	--

		<p>e) Xác định sự phù hợp với quy hoạch như sau:</p> <p>e1) Trường hợp đề nghị công nhận vào mục đích đất phi nông nghiệp quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 138 Luật Đất đai, khoản 3 Điều 25, điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP và trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Luật Đất đai mà không thuộc khoản 5 Điều 25 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP, khoản 2 và khoản 3 Điều 140 Luật Đất đai thì xác định sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc chỉ tiêu sử dụng đất đến cấp xã trong quy hoạch tỉnh hoặc một trong các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn; trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Đất đai thì xác định sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc chỉ tiêu sử dụng đất đến cấp xã trong quy hoạch tỉnh;</p> <p>e2) Trường hợp quy định khoản 1 Điều 139 Luật Đất đai thì xác định việc có hay không thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng, chỉ giới xây dựng đường giao thông, mục đích sử dụng cho trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp và công trình công cộng khác;</p> <p>e3) Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 139 Luật Đất đai thì xác định diện tích đất lấn chiếm có hay không thuộc quy hoạch lâm nghiệp đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, quy hoạch sử dụng đất cho mục đích xây dựng công trình hạ tầng công cộng; trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP thì xác định sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc chỉ tiêu sử dụng đất đến cấp xã trong quy hoạch tỉnh hoặc một trong các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn;</p> <p>e4) Khi xác định sự phù hợp với quy hoạch quy định tại các điểm e1, e2 và e3 điểm e này thì căn cứ vào quy hoạch có hiệu</p>		
--	--	--	--	--

	<p>lực tại thời điểm xác định;</p> <p>g) Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng thuộc trường hợp phải xin phép xây dựng quy định tại khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 149 Luật Đất đai mà không có giấy xác nhận của cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 về đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng thì chủ sở hữu công trình chịu trách nhiệm về nhà ở, công trình xây dựng đó;</p> <p>h) Niêm yết công khai các nội dung xác nhận theo Mẫu số 23 ban hành kèm theo Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời gian 15 ngày, đồng thời thực hiện xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung đã công khai (nếu có);</p> <p>i) Xác nhận việc đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai;</p> <p>k) Trường hợp không có nhu cầu hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì ban hành Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai theo Mẫu số 22 ban hành kèm theo Quyết định này và chuyển đến nơi nộp hồ sơ để trả cho người yêu cầu đăng ký; chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để lập, cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;</p> <p>l) Trường hợp có nhu cầu và đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan thuế để cơ quan thuế xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.”.</p>		
--	---	--	--

44	<p>Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp người sử dụng đất đã thực hiện chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp theo phương án “đón điền đổi thửa” được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 (<i>Mục XX Nội dung C Phần IV Phụ lục I Dự thảo Quyết định</i>)</p>	<p>1. Người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua bưu chính hoặc trực tuyến đến Trung tâm phục vụ hành chính công. Hồ sơ nộp gồm:</p> <p>a) Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 21 ban hành kèm theo Quyết định này đối với trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận; Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo Quyết định này đối với trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận;</p> <p>b) Văn bản về việc giao nhận ruộng đất (nếu có);</p> <p>c) Giấy chứng nhận đã cấp.</p> <p>Trường hợp người sử dụng đất chưa được cấp Giấy chứng nhận hoặc Giấy chứng nhận đã cấp bị mất thì không phải nộp Giấy chứng nhận; đối với trường hợp bị mất Giấy chứng nhận thì người sử dụng đất thể hiện thông tin về việc bị mất Giấy chứng nhận trên Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>2. Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất. Trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định.</p> <p>3. Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp bị mất thì cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã thực hiện:</p> <p>a) Kiểm tra trong hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai thông tin về Giấy chứng nhận đã cấp bị mất; trường hợp phát hiện thửa đất được cấp Giấy chứng nhận đã được chuyển quyền sử dụng đất hoặc đang thế chấp theo quy định của pháp luật thì thông báo, trả lại hồ sơ cho người sử dụng đất. Trường hợp không kiểm tra được thông tin thì thông báo cho Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp thông tin về việc đã chuyển quyền sử dụng đất hoặc đang thế chấp quyền sử dụng</p>		
----	---	---	--	--

		<p>đất theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã; trường hợp quá thời hạn này mà không cung cấp thông tin thì Văn phòng đăng ký đất đai chịu trách nhiệm nếu thửa đất đang được thế chấp và đã được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Trình chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hủy Giấy chứng nhận đã cấp, ký cấp Giấy chứng nhận theo Phương án dồn điền đổi thửa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>4. Trường hợp không thuộc quy định tại khoản 3 Mục này thì cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã trình chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo Phương án dồn điền đổi thửa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; trao Giấy chứng nhận cho người được cấp.</p> <p>5. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã chuyển hồ sơ đã cấp Giấy chứng nhận dạng số và dạng giấy đến Văn phòng đăng ký đất đai để lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai</p>		
45	Mẫu thực hiện thủ tục (<i>Phụ lục 02 ban hành kèm theo Dự thảo Quyết định</i>)		<p>1. UBND xã Thanh Miện:</p> <p>(1) Đề nghị rà soát lại phân cấp tại Quyết định về UBND xã hay Chủ tịch UBND xã thì phụ lục 2 mẫu thủ tục cơ quan ban hành thống nhất với Quyết định</p> <p>(2) Đề nghị ban hành mẫu Thông báo thu hồi đất để thống nhất giữa địa phương trên địa bàn thành phố.</p>	Cơ quan soạn thảo đã rà soát, tiếp thu của Dự thảo

			<p>2. UBND phường Thạch Khê: Đề nghị bổ sung thêm Mẫu xác nhận của UBND cấp xã trong thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất trong trường hợp có nhu cầu và đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p>	<p>Sở NNMT không tiếp thu, lý do: theo quy định UBND xã có trách nhiệm xác định hiện trạng ..., lấn chiếm, phù hợp quy hoạch nên nếu quy định mẫu sẽ bị bó cứng, không linh hoạt trong việc thực hiện của cấp xã</p>
			<p>3. UBND phường Lê Ích Mộc: (1) Đề nghị rà soát lại phân cấp tại Quyết định về UBND cấp xã hay Chủ tịch UBND cấp xã (phụ lục 2 mẫu thủ tục cần nhất quán). (2) Đề nghị ban hành mẫu Thông báo thu hồi đất để thống nhất giữa các địa phương trên địa bàn toàn thành phố.</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát, tiếp thu của Dự thảo</p>
			<p>4. UBND phường Kinh Môn: Đề nghị xem xét lại một số Mẫu biểu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định do Quy định tại Điều 3 đã phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã nhưng Mẫu biểu lại thể hiện thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát, tiếp thu của Dự thảo</p>
46	Ý kiến về thể thức, ngôn ngữ, kỹ thuật soạn		<p>1. Sở Tư pháp: (1) Dự thảo sử dụng ký hiệu "/" để thay cho ngôn ngữ tiếng Việt là</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát, tiếp thu của Dự thảo</p>

	thảo		<p>không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và khoản 1 Điều 60 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Đề nghị chỉnh lý, sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt để diễn đạt nội dung quy định cho rõ ràng, tránh việc sử dụng quy định tùy nghi trên thực tế.</p> <p>(2) Đề nghị chỉnh lý việc đánh thứ tự các Phần, Mục, khoản, điểm cho thống nhất.</p>	
47	Ý kiến khác		<p>1. Trung tâm phục vụ hành chính công:</p> <p>(1) Đề nghị dự thảo rà soát, chỉnh sửa trình tự thủ tục hành chính đảm bảo logic, phù hợp</p> <p>(2) Quy định đầy đủ các bộ phận cấu thành thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/06/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung).</p> <p>2. UBND xã Kiến Thụy: Đề nghị sở Nông nghiệp và Môi trường quy định rõ cơ chế phối hợp giữa các cấp trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát, tiếp thu của Dự thảo</p> <p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát, tiếp thu của Dự thảo</p>

			<p>3. Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản cần làm rõ hơn trách nhiệm phối hợp giữa Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan tài chính và UBND cấp xã để tránh tình trạng đùn đẩy, kéo dài thời gian giải quyết; quy định cụ thể về thời hạn giải quyết từng thủ tục hành chính sau khi phân cấp.</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát, tiếp thu của Dự thảo</p>
			<p>4. Sở Tư pháp: Rà soát lại toàn bộ quy định về cơ quan có thẩm quyền thực hiện các thủ tục tại dự thảo Phụ lục cho thống nhất với các thẩm quyền theo quy định của dự thảo Quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật khác.</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát, tiếp thu của Dự thảo</p>
			<p>5. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (1) Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, hoàn thiện lại Biểu mẫu đánh giá tác động thống nhất với số thủ tục hành chính có trong dự thảo Quyết định; nội dung đánh giá phải đảm bảo phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ Tư pháp và các quy định của công tác kiểm soát thủ tục hành chính. (2) Xem xét quy định rõ, đầy đủ các bộ phận cấu thành thủ tục hành theo thẩm quyền được giao tại</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát, tiếp thu của Dự thảo</p>

			<p>Điều 15 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ; đồng thời quy định nội dung thủ tục cần bảo đảm tính hợp pháp, hợp lý, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, nhưng vẫn đáp ứng được 2 với mục tiêu quản lý nhà nước; Dự thảo không gộp nhiều thủ tục hành chính, đối tượng thực hiện một thủ tục hành chính thành một thủ tục hành chính.</p> <p>(3) Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính đầy đủ, rõ ràng ở từng bước thực hiện, từng cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính và thống nhất chọn thời gian giải quyết “ngày làm việc” hoặc “ngày” phù hợp với quy định; xem xét lược bỏ bước thực hiện thủ tục hành chính không thực sự cần thiết để rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ; đảm bảo cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thường trực Chính phủ và của Ủy ban nhân dân thành phố</p> <p>(4) Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụ thể cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc cấp xã (trừ các thủ tục hành chính quy</p>	
--	--	--	---	--

			<p>định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP) và được thực hiện theo phương thức không phụ thuộc địa giới hành chính.</p> <p>(5) Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm các cách thức nộp hồ sơ theo từng thủ tục hành chính.</p> <p>(6) Đề nghị quy định rõ là cơ quan thực hiện thủ tục hành chính.</p> <p>(7) Rà soát, đánh giá lại, theo hướng bỏ một số thành phần hồ sơ đã có trong cơ sở dữ liệu hoặc trùng lặp với thành phần hồ sơ là kết quả của thủ tục hành chính khác hoặc là trách nhiệm thực hiện của cơ quan nhà nước khi thẩm định hồ sơ;</p> <p>(8) Bổ sung thêm quy định mới vào dự thảo để quy định rõ cơ quan chủ trì, phối hợp giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm kết nối, đồng bộ, chia sẻ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kho dữ liệu của tổ chức, cá nhân trên các Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Công Dịch vụ công quốc gia để khai thác, tái sử dụng lại dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>(9) Đối với nội dung trùng lặp trong dự thảo, đề nghị xem xét chuyên thành nguyên tắc hoặc</p>	
--	--	--	--	--

			<p>“Quy định chung”.</p> <p>(10) Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét hoàn thiện lại theo quy định của kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật.</p>	
			<p>6. UBND phường Nam Đồng:</p> <p>Đề nghị bổ sung quy trình hướng dẫn chi tiết đối với nhóm đất giao trái thẩm quyền và đất không có giấy tờ theo Luật Đất đai 2024 để địa phương dễ dàng áp dụng không gây phiền hà.</p>	Sở NNMT không tiếp thu, lý do: quy định giải quyết đối với giao đất trái thẩm quyền được quy định cho thủ tục cấp GCN lần đầu